

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao tài sản cố định cho các đơn vị quản lý, sử dụng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Công văn số 8380/BTC-QLCS ngày 13/6/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung việc bố trí, sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Phương án bố trí, sắp xếp, xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-CTUBND ngày 29/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 103/TTr-STC ngày 08/01/2026 (kèm theo đề nghị của UBND các xã, phường: Hạc Thành tại Công văn số 2995/UBND-KTHT&ĐT ngày 07/11/2025; Nguyệt Viên tại Công văn số 1084/UBND-KTHT&ĐT ngày 30/10/2025; Hải Bình tại Công văn số 781/UBND-KTHT&ĐT ngày 08/10/2025; Thọ Xuân tại Công văn số 1002/UBND-KT ngày 28/10/2025; Nghi Sơn tại Công văn số 969/UBND-

KTHTĐT ngày 17/11/2025, Công văn số 1115/UBND-KTHTĐT ngày 07/12/2025; Các Sơn tại Công văn số 1017/UBND-KT ngày 16/11/2025; Trường Lâm tại Công văn số 1260/UBND-KT ngày 17/11/2025, Công văn số 1261/UBND-KT ngày 17/11/2025; Thăng Bình tại Công văn số 887/UBND-KT ngày 15/11/2025; Xuân Hòa tại Công văn số 661/UBND-KT ngày 15/11/2025; Tân Dân tại Công văn số 1176/UBND-KTHTĐT ngày 15/11/2025; Đào Duy Từ tại Công văn số 1475/UBND-KTHTĐT ngày 14/11/2025; Lam Sơn tại Công văn số 716/UBND-KT ngày 12/11/2025; Đông Quang tại Công văn số 2613/UBND-KTHTĐT ngày 13/11/2025; Công Chính tại Công văn số 980/UBND-KT ngày 14/11/2025; Trúc Lâm tại Công văn số 1324/UBND-KTHTĐT ngày 14/11/2025; Thắng Lợi tại Công văn số 926/UBND-KT ngày 18/11/2025; Ngọc Sơn tại Công văn số 1608/UBND-KTHTĐT ngày 20/11/2025, Công văn số 1959/UBND-KTHTĐT ngày 15/12/2025; Sao Vàng tại Công văn số 783/UBND-KT ngày 23/11/2025; Quảng Phú tại Công văn số 1889/UBND-KTHT&ĐT ngày 14/11/2025, Công văn số 2209/UBND-KTHT&ĐT ngày 05/12/2025; Nông Cống tại Tờ trình số 92/TTr-UBND ngày 07/12/2025; Đông Tiến tại Công văn số 1588/UBND-KTHT&ĐT ngày 25/11/2025; Tĩnh Gia tại Công văn số 1710/UBND-KTHTĐT ngày 10/12/2025; Hàm Rồng tại Công văn số 2096/UBND-KTHTĐT ngày 10/12/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao tài sản cố định cho các đơn vị cấp xã, phường: Hạc Thành, Nguyệt Viên, Hải Bình, Thọ Xuân, Nghi Sơn, Các Sơn, Trường Lâm, Thăng Bình, Xuân Hòa, Tân Dân, Đào Duy Từ, Lam Sơn, Đông Quang, Công Chính, Trúc Lâm, Thắng Lợi, Ngọc Sơn, Sao Vàng, Quảng Phú, Nông Cống, Đông Tiến, Tĩnh Gia, Hàm Rồng quản lý, sử dụng.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Lý do giao: Theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại mục 2 Công văn số 8380/BTC-QLCS ngày 13/6/2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, các đơn vị được giao tài sản chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác của thông tin, số liệu tài sản, nội dung báo cáo, thẩm định, trình phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, các đơn vị được giao tài sản có trách nhiệm bố trí, sử dụng tài sản theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện các thủ tục hành chính về hồ sơ có liên quan đến tài sản theo quy định; hạch toán tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; báo cáo kê khai bổ sung quyền quản lý, sử dụng tài sản với cơ quan quản lý theo quy định; tổ chức quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định của pháp

luật, đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí tài sản công; chi trả các chi phí có liên quan đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản (nếu có).

Đối với tài sản công dôi dư, không phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng hoặc thuộc trường hợp phải xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, các đơn vị được giao tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý theo quy định.

Đối với tài sản chưa xác định được năm đưa vào sử dụng, nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản, sau khi được giao tài sản, các đơn vị được giao tài sản có trách nhiệm triển khai thực hiện theo quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Công điện số 06/CĐ-BTC ngày 25/8/2025 và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, hướng dẫn các đơn vị tổ chức thực hiện tiếp nhận và quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Bí thư Đảng ủy và Chủ tịch UBND các xã, phường: Hạc Thành, Nguyệt Viên, Hải Bình, Thọ Xuân, Nghi Sơn, Các Sơn, Trường Lâm, Thăng Bình, Xuân Hòa, Tân Dân, Đào Duy Từ, Lam Sơn, Đông Quang, Công Chính, Trúc Lâm, Thắng Lợi, Ngọc Sơn, Sao Vàng, Quảng Phú, Nông Công, Đông Tiến, Tĩnh Gia, Hàm Rồng; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Hùng

Phụ lục I
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO CHO PHƯỜNG HẠC THÀNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho UBND phường Hạc Thành						
A	Đất, nhà						
1	Đất khu Trụ sở cơ quan Thành ủy; Ủy ban MTTQ và các đoàn thể thành phố; HĐND; UBND và các đơn vị sự nghiệp	m ²	35.000	632.071.000.000	632.071.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
	Đất khu trung tâm hội nghị và nhà khách	m ²	22.461			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
1.1	Nhà Khu Trung tâm Hành chính mới thành phố Thanh Hóa	m ²		631.571.880.000	479.994.628.800	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
2	Đất phòng giáo dục đào tạo thành phố Thanh Hóa	m ²	1.054,75	21.095.000.000	21.095.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
2.1	Nhà Trụ sở cũ phòng giáo dục thành phố Thanh Hóa	m ²		771.540.000	453.084.800	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
3	Đất trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	m ²	110	3.850.000.000	3.850.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
3.1	Nhà làm việc trụ sở Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thanh Hóa	m ²		486.817.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
4	Đất Nhà Xuất bản cũ	m ²	2.882,8	92.249.600.000	92.249.600.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
4.1	Nhà làm việc Nhà xuất bản cũ	m ²		1	1	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
5	Đất Trung tâm giáo dục dạy nghề 05-06 (Khu A)	m ²	3.144	15.720.000.000	15.720.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
6	Đất Trung tâm giáo dục dạy nghề 05-06 (Khu B)	m ²	3.611	18.055.000.000	18.055.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
6.1	Nhà A1-C1	m ²	392			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
6.2	Nhà 02 tầng cũ	m ²				UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
6.3	Nhà 02 tầng mới	m ²				UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
6.4	Nhà lán tạm	m ²				UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
6.5	Nhà lợp tôn	m ²				UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
6.6	Nhà B1-4B	m ²	90			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
6.7	Nhà B5-4B	m ²	130			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
6.8	Nhà B7-4B	m ²	82			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
6.9	Nhà B8-4B	m ²	56			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
6.10	Nhà ở khu giáo dục	m ²	96			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
6.11	Nhà đối tượng B2	m ²	142			UBND thành phố	UBND phường Hạc Thành

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Thanh Hóa	
6.12	Nhà đối tượng B3	m ²	117			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
6.13	Nhà đối tượng B4	m ²	100			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
6.14	Nhà đối tượng B9	m ²	91			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
7	Đất Hội người mù thành phố Thanh Hóa cơ sở 1	m ²	291,5	2.910.000.000	2.910.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
7.1	Nhà Trụ sở làm việc (Số 36 Hàng Than)	m ²	80	490.000.000	147.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
8	Đất Hội Đông Y	m ²	139	3.892.000.000	3.892.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
8.1	Nhà làm việc Hội Đông y	m ²	500	2.083.500.000	1.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
9	Đất Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	m ²	8.833	154.000.000.000	154.000.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
9.1	Nhà làm việc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	m ²		7.252.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
9.2	Nhà ở vệ binh Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	m ²		1.575.000.000	504.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
9.3	Nhà trực ban Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	m ²		64.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
9.4	Nhà xe Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	m ²		456.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
9.5	Nhà trực ban tác chiến	m ²		462.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
9.6	Nhà tiếp dân Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa	m ²		50.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
9.7	Nhà hội trường Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	m ²		2.275.000.000	637.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
9.8	Nhà ăn, nhà ở nuôi quân, bếp Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	m ²		1.560.000.000	499.200.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
9.9	Nhà ở chỉ huy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hoá	m ²		1.907.168.000	176.222.418	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
9.10	Nhà ở tham mưu chính trị Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	m ²		4.410.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
9.11	Nhà tắm Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thanh Hoá	m ²		56.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
9.12	Nhà ở Hậu cần, kỹ thuật Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	m ²		3.101.305.000	442.887.400	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
10	Đất Phòng khám đa khoa giao thông vận tải Thanh Hóa (cơ sở 2)	m ²	720	8.208.000.000	8.208.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
10.1	Nhà số 1	m ²	105	310.772.846	154.842.933	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
10.2	Nhà số 2	m ²	150	310.772.846	154.842.933	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
10.3	Nhà số 3	m ²	130	14.855.000	4.645.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
10.4	Nhà số 4	m ²	110	11.884.000	3.344.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
10.5	Nhà số 5	m ²	62	45.260.000	19.215.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
10.6	Nhà số 6	m ²	15	1.650.000	700.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
10.7	Nhà số 7	m ²	98	273.000.000	136.500.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
11	Đất Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh Thanh Hóa	m ²	496	19.840.000.000	19.840.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
11.1	Nhà Trụ sở Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh Thanh Hóa	m ²		1	1	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
12	Đất Trụ sở Kho bạc Nhà nước thành phố (cũ)	m ²	1.628	65.120.000.000	65.120.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
12.1	Nhà trụ sở làm việc (cũ) của Kho bạc Nhà nước	m ²		3.589.198.537	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
13	Đất Ban Giải phóng mặt bằng và tái định cư thành phố (cũ)	m ²	1.100	33.000.000.000	33.000.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
13.1	Nhà làm việc Ban Giải phóng mặt bằng và tái định cư thành phố (cũ)	m ²		1	1	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
B	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Bàn họp giao ban (DA-HBS 09), KT: 11400x2400x750 (mm)	Cái	1	115.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
2	Bộ chuyển đổi tín hiệu âm thanh	Cái	1	10.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
3	Amly chuyên dùng, Model:	Cái	1	18.000.000		UBND thành phố	UBND phường Hạc Thành

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
	IPA-240					Thanh Hóa	
4	Máy chiếu đa năng NEC NP-MC422XG; Màn chiếu điện Dalite P84ES; Dây tiến hiệu HDMI 15 m; Giá treo máy chiếu	Bộ	1	45.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
5	Bàn họp giao ban(DA- HBS 09), KT: 7800x2400x750 (mm)	Cái	1	78.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
6	Bộ chuyển đổi tín hiệu âm thanh	Cái	1	10.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
7	Amly chuyên dùng, Model: IPA-240	Cái	1	18.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
8	Máy chiếu đa năng NEC NP-MC422XG; Màn chiếu điện Dalite P84ES; Dây tiến hiệu HDMI 15 m; Giá treo máy chiếu	Bộ	1	45.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
9	Mặt trống đồng, KT: Đường kính 1200 mm, dày 1mm	Cái	1	14.500.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
10	Bàn họp giao ban (DA- HBS 09), KT : 3600x1800x750 (mm)	Cái	1	27.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
11	Mặt trống đồng, KT : Đường kính 1200 mm, dày 1mm	Cái	1	14.500.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
12	Biển khẩu hiệu “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm”, KT :	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
	250x5000 (mm)						
13	Amly chuyên dùng Sovico Audio, model: IPA-240	Cái	1	18.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
14	Máy chiếu đa năng NEC NP-MC422XG; Màn chiếu điện Dalite P84ES; Dây tiến hiệu HDMI 15 m; Giá treo máy chiếu	Bộ	1	45.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
15	Bàn họp giao ban (DA-HBS 09), KT: 15000x2600x750 (mm)	Cái	1	163.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
16	Bộ Máy tính Dell (I7 8700, RAM8GB, HDD 1TB), màn hình, bàn phím, chuột	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
17	Tivi Samsung (đi kèm bộ Poly 850)	cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
18	Bàn họp giao ban (DA- HBS 09), KT: 7800x2400x750 (mm)	Cái	1	78.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
19	Amly chuyên dùng, KT: WxHxD: 436 x 88 x 340 mm	Cái	1	18.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
20	Máy chiếu đa năng NEC NP-MC422XG; Màn chiếu điện Dalite P84ES; Dây tiến hiệu HDMI 15 m; Giá treo máy chiếu	Bộ	1	45.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
21	Mặt trống đồng, KT : Đường kính 1200 mm, dày 1mm	Cái	1	14.500.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
22	Bàn họp giao ban (DA- HBS 09), KT: 3600x1800x750 (mm)	Cái	1	27.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
23	Mặt trống đồng, KT: Đường kính 1200 mm, dày 1mm	Cái	1	14.500.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
24	Máy photocopy	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
25	Máy photocopy	Cái	2			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
26	Tivi LCD 41 inch	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
27	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
28	Điều hoà trần	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
29	Điều hoà trần	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
30	Điều hoà trần	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
31	Điều hoà trần	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
32	Điều hoà trần	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
33	Điều hoà trần	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
34	Bộ máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
35	Máy tính FPT	Bộ	1	14.950.000	5.980.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
36	Máy tính FPT	Bộ	1	11.393.400	2.278.690	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
37	Máy tính FPT	Bộ	1	11.393.400	2.278.690	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
38	Máy tính FPT	Bộ	1	14.950.000	5.980.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
39	Máy tính FPT	Bộ	1	14.950.000	5.980.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
40	Máy tính FPT	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
41	Máy tính FPT	Bộ	1	14.950.000	5.980.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
42	Máy tính FPT	Bộ	1	14.950.000	5.980.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
43	Máy tính số 2	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
44	Máy tính số 5	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
45	Máy tính số 6	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
46	Máy tính	Bộ	1	14.950.000	5.980.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
47	Máy tính	Bộ	1	14.950.000	5.980.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
48	Máy tính	Bộ	1	14.950.000	5.980.000	UBND thành phố	UBND phường Hạc Thành

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Thanh Hóa	
49	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
50	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
51	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
52	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
53	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
54	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
55	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
56	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
57	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
58	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
59	Máy tính	Bộ	1	14.950.000	5.980.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
60	Máy tính	Bộ	1	14.950.000	5.980.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
61	Máy tính	Bộ	1	14.950.000	5.980.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
62	Máy tính để bàn FPT Elead TK10400HT	Bộ	1	14.950.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
63	Máy tính để bàn FPT Elead TK10400HT	Bộ	1	14.950.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
64	Máy tính LG	Bộ	1	14.950.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
65	Máy tính LG	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
66	Máy tính LG	Bộ	1	14.950.000	5.980.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
67	Máy tính	Bộ	1	14.950.000	5.980.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
68	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
69	Máy tính	Bộ	3			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
70	Máy tính để bàn FPT Elead TK10400HT	Bộ	1	14.950.000	5.980.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
71	Máy tính để bàn FPT Elead TK10400HT	Bộ	1	14.950.000	5.980.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
72	Máy tính để bàn	Bộ	1	10.000.000	2.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hạc Thành
II	Tài sản giao cho Đảng ủy phường Hạc Thành						
A	Xe ô tô						
1	Xe ô tô biển kiểm soát: 36A-009.89	Cái	1	1.215.900.000	945.700.000	Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng Ủy phường Hạc Thành

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
B	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Máy scan	Cái	1			Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng Ủy phường Hạc Thành
2	Máy scan	Cái	1			Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng Ủy phường Hạc Thành
3	Máy photocopy	Cái	1			Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng Ủy phường Hạc Thành
4	Máy photocopy	Cái	1			Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng Ủy phường Hạc Thành
5	Máy chiếu	Cái	1			Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng Ủy phường Hạc Thành
6	Máy chiếu	Cái	1			Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng Ủy phường Hạc Thành
III	Tài sản giao cho Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Hạc Thành						
1	Máy photocopy	Cái	1			Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Hạc Thành
IV	Tài sản giao cho Trung tâm Chính trị phường Hạc Thành						
1	Máy tính xách tay	Cái	1			Trung tâm Chính trị thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Chính trị phường Hạc Thành
2	Máy chiếu, màn chiếu	Bộ	1			Trung tâm Chính trị thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Chính trị phường Hạc Thành
V	Tài sản giao cho Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành						
A	Xe ô tô						
1	Xe bán tải biển kiểm soát:	Cái	1	297.000.000	35.000.000	Đội kiểm tra quy tắc đô thị	Trung tâm Cung ứng

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
	36B-1095					thành phố Thanh Hóa	dịch vụ công phường Hạc Thành
B	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Bộ máy tính, máy in để bàn	Bộ	1	15.232.869	3.046.574	Đội kiểm tra quy tắc đô thị thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
2	Bộ máy tính, máy in để bàn	Bộ	1	15.232.869	3.046.574	Đội kiểm tra quy tắc đô thị thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
3	Bộ máy tính, máy in để bàn	Bộ	1	14.100.000	5.640.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
4	Tivi sam sung 48J 6300	Cái	1	23.181.818		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
5	Giường AC-G1.16	Cái	1	10.880.621	6.528.373	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
6	Bộ máy tính	Bộ	1	15.232.869	3.046.574	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
7	Bộ máy tính	Bộ	1	15.232.869	3.046.574	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
8	Máy tính xách tay, máy in màu	Bộ	1	38.000.000	26.600.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
9	Bộ máy tính	Bộ	1	15.232.869	3.046.574	Trung tâm Văn hóa,	Trung tâm Cung ứng

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	dịch vụ công phường Hạc Thành
10	Bộ máy tính, máy in để bàn	Bộ	1	15.232.869	3.046.574	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
11	Bộ dụng kỹ thuật số phát thanh	Bộ	1	102.500.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
12	Bộ dụng kỹ thuật số truyền hình	Bộ	1	87.636.364	17.527.276	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
13	Bộ máy quay chuyên dụng Sony 270	Bộ	1	574.540.000	402.178.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
14	Máy quay Playcam	Cái	1	77.230.000	54.061.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
15	Bộ thu ứng dụng kỹ thuật tự động hóa	Bộ	1	22.500.000	9.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
16	Hệ thống truyền thanh trên địa bàn phường	Hệ thống	1	991.020.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
17	Bộ bàn ghế họp	Cộ	1	37.360.907		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
18	Máy điều hòa Panasonic loại 18.000BTU	Cái	1	25.025.428	20.020.344	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						lich thành phố Thanh Hóa	phường Hạc Thành
19	Máy điều hòa Panasonic loại 9.000BTU	Cái	1	22.849.304	13.709.584	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
20	Bộ bàn ghế ni cao cấp	Bộ	1	18.500.000	11.100.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
21	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	20.909.090		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
22	Bộ tăng âm loa đài khu trường niệm	Bộ	1	52.050.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
23	Hệ thống âm thanh phục vụ nhà khách trung tâm hội nghị	Bộ	1	118.900.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
24	Tivi sam sung 55J 6400	Cái	1	26.545.454		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
25	Cột bóng rổ	Bộ	1	57.390.000	14.347.500	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
26	Thảm võ	Bộ	1	70.000.000	17.500.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
27	Bàn bóng bàn	Bộ	1	46.800.000	14.040.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
28	Thảm cầu lông	Sân	1	45.000.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
29	Thảm cầu lông	Sân	1	45.000.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
30	Thảm cầu lông	Sân	1	45.000.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
31	Thảm cầu lông	Sân	1	45.000.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
32	Biển hiệu trung tâm hội nghị - cổng phía trước	Cái	1	326.910.909	196.146.545	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
33	Biển hiệu cổng trung tâm - cổng phía sau	Cái	1	33.492.030	20.095.218	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
34	Thiết bị phòng truyền thống Thanh Hóa - Hội An	Cái	1	886.331.364	531.798.820	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
35	Sa bàn phòng truyền thống Thanh Hóa - Hội An	Cái	1	899.366.364	539.619.820	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
36	Thiết bị phòng truyền thống Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Cái	1	884.210.909	530.526.545	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
37	Sa bàn phòng truyền thống	Cái	1	851.847.273	511.108.365	Trung tâm Văn hóa,	Trung tâm Cung ứng

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
	Thành ủy thành phố Thanh Hóa					Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	dịch vụ công phường Hạc Thành
38	Điều hòa 1 chiều 9000BTU Sumikura SK APS/APO-092, phụ kiện lắp đặt (10m ống đồng, 1 attomat, giá đỡ)	Cái	1	11.000.000	4.400.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
39	Điều hòa 1 chiều 9000BTU Sumikura SK APS/APO-092, phụ kiện lắp đặt (10m ống đồng, 1 attomat, giá đỡ)	Cái	1	11.000.000	4.400.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
40	Điều hòa 1 chiều 9000BTU Sumikura SK APS/APO-092, phụ kiện lắp đặt (10m ống đồng, 1 attomat, giá đỡ)	Cái	1	11.000.000	4.400.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
41	Tăng âm dùng cho hội trường	Bộ	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
42	Loa hội trường, micro không dây dùng cho hội trường	Bộ	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
43	Máy tính xách tay	Cái	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
44	Bộ Máy tính	Bộ	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
45	Bộ máy tính	Bộ	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						lịch thành phố Thanh Hóa	phường Hạc Thành
46	Máy điều hòa nhiệt độ LG	Cái	3	23.100.000	8.662.500	Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
47	Máy điều hòa nhiệt độ casper EC 12 -TL11	Cái	1	7.845.000	1.961.250	Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
48	Máy điều hòa nhiệt độ Funiki SC12MMC 12000 BTU	Cái	1	7.900.000	1.975.000	Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
49	Đàn Organ YAMAHA - E453	Cái	1	7.920.000	0	Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
50	Đàn Piano CDP-130BK	Cái	1	12.000.000	0	Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
51	Đàn Pianno điện tử YAMAHA	Cái	1	13.000.000	0	Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
52	Đàn Organ YAMAHA PSR-VN 300	Cái	1	15.510.000	0	Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
53	Đàn Pianno điện tử YAMAHA	Cái	1	13.000.000	0	Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
54	Bộ Kèn đội ATR 221 (28 cái)	Bộ	1	196.500.000	63.862.500	Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
55	Bộ Trống hội MD28-14AL (10 cái)	Bộ	1	70.000.000	22.750.000	Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
56	Bộ Kèn Đội ATR 1010018 (2 cái)	Bộ	1	11.000.000	2.475.000	Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
57	Bộ máy tính FPT	Bộ	1			Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
58	Bộ máy tính FPT	Bộ	1			Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành
59	Bộ máy tính FPT	Bộ	1			Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Hạc Thành

Phụ lục II
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO CHO PHƯỜNG NGUYỆT VIÊN
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho UBND phường Nguyệt Viên						
A	Đất, Nhà						
1	Đất Trụ sở cũ phường Hoằng Quang	m ²	1.725	4.656.150.000	4.656.150.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
1.1	Nhà Trụ sở cũ phường Hoằng Quang	m ²	496	1.000.000.000	200.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
2	Đất Trụ sở cũ phường Hoằng Quang	m ²	704	774.400.000	774.400.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
2.1	Nhà Trụ sở cũ phường Hoằng Quang	m ²	300	100.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
3	Đất Trụ sở UBND xã Hoằng Anh cũ	m ²	1.113	3.000.000.000	3.000.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
3.1	Nhà Trụ sở UBND xã Hoằng Anh cũ	m ²	1.113	3.000.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
4	Đất Trụ sở phường Tào Xuyên cũ	m ²	4.008	10.080.000.000	10.080.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
4.1	Nhà Trụ sở phường Tào Xuyên cũ	m ²	3.000	2.900.000.000	1.024.761.154	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
5	Đất nhà văn hoá thôn 9 cũ	m ²	1.378	1.516.020.000	1.516.020.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
5.1	Nhà văn hoá thôn 9 cũ	m ²	100	100.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
6	Đất nhà văn hoá thôn 1 cũ	m ²	470	525.140.000	525.140.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
6.1	Nhà văn hoá thôn 1 cũ	m ²	127	100.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
7	Đất nhà trẻ thôn 10 cũ	m ²	453	498.300.000	498.300.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
7.1	Nhà trẻ thôn 10 cũ	m ²	170	100.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
8	Đất nhà trẻ thôn 1 cũ	m ²	477	525.140.000	525.140.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
8.1	Nhà trẻ thôn 1 cũ	m ²	100	100.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
9	Đất nhà văn hóa thôn Quan Nội 1 (Quan Nội 2 cũ)	m ²	802	1.203.000.000	1.203.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
9.1	Nhà văn hóa thôn Quan Nội 1 (Quan Nội 2 cũ)	m ²	137	730.073.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
10	Đất nhà văn hóa thôn Quan Nội 2 (Quan Nội 3 cũ)	m ²	786	1.179.000.000	1.179.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
10.1	Nhà văn hóa thôn Quan Nội 2 (Quan Nội 3 cũ)	m ²	137	730.073.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
11	Đất nhà văn hóa thôn Quan Nội 3	m ²	900	1.350.000.000	1.350.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
11.1	Nhà văn hóa thôn Quan Nội 3	m ²	155	825.995.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
12	Đất nhà văn hóa thôn 2	m ²	486	360.000.000	360.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
12.1	Nhà văn hóa thôn 2	m ²	110	586.190.000	0	UBND thành phố	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Thanh Hóa	Nguyệt Viên
13	Đất nhà trẻ thôn 5 cũ	m ²	296	220.000.000	220.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
13.1	Nhà trẻ thôn 5 cũ	m ²	100	220.000.000	220.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
14	Đất nhà văn hóa Nghĩa Sơn 2	m ²	80	810.000.000	810.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
14.1	Nhà văn hóa Nghĩa Sơn 2	m ²	80	381.000.000	192.899.617	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
15	Đất nhà văn hóa phố Yên Vực	m ²	110	2.000.000.000	2.000.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
15.1	Nhà văn hóa phố Yên Vực	m ²	80	355.000.000	179.735.864	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
16	Đất nhà văn hóa phố Thành Khang	m ²	150	900.000.000	900.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
16.1	Nhà văn hóa phố Thành Khang	m ²	110	350.000.000	177.204.373	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
17	Đất nhà văn hóa thôn Hạnh Phúc cũ	m ²	541	1.298.400.000	1.298.400.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
17.1	Nhà văn hóa thôn Hạnh Phúc cũ	m ²	70	420.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
B	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Máy photocopy Ricoh	Cái	1	49.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
2	Bàn quây làm việc	Cái	1	19.589.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
3	Máy scan A4	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
4	Máy scan A5	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
5	Máy scan A6	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
6	Điều hòa 12000BTU	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
7	Điều hòa 12000BTU	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
8	Bàn tiếp công dân	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
9	Bàn tiếp công dân	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
10	Bàn tiếp công dân	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
11	Bàn tiếp công dân	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
12	Ghế công dân ngồi chờ	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
13	Ghế công dân ngồi chờ	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
14	Ghế công dân ngồi chờ	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
15	Quạt trần	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
16	Quạt trần	Cái	1			UBND thành phố	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Thanh Hóa	Nguyệt Viên
17	Quạt trần	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
18	Tủ sắt tài liệu 4 cánh	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
19	Tủ sắt tài liệu 4 cánh	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
20	Tủ sắt tài liệu 4 cánh	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
21	Tủ sắt tài liệu 4 cánh	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
22	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
23	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
24	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
25	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
26	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
27	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
28	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
29	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
30	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
31	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
32	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
33	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
34	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
35	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
36	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
37	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
38	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
39	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
40	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
41	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
42	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
43	Máy in	Cái	1			UBND thành phố	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Thanh Hóa	Nguyệt Viên
44	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
45	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
46	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
47	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
48	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
49	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
50	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
51	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
52	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
53	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
54	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
55	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
56	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
57	Tủ sắt	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
58	Tủ sắt	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
59	Tủ sắt	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
60	Tủ sắt	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
61	Tủ sắt	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
62	Tủ sắt	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
63	Tủ sắt	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
64	Tủ sắt	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
65	Tủ sắt	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
66	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
67	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
68	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
69	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
70	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Thanh Hóa	Nguyệt Viên
71	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
72	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
73	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
74	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
75	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
76	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
77	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
78	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
79	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
80	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
81	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
82	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
83	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
84	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
85	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
86	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
87	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
88	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
89	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
90	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
91	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
92	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
93	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
94	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
95	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
96	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
97	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Thanh Hóa	Nguyệt Viên
98	Máy photocopy	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
99	Máy photocopy	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
100	Máy photocopy	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
101	Máy photocopy	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
102	Máy scan	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
103	Máy scan	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
104	Máy scan	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
105	Máy scan	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
106	Máy scan	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
107	Tivi	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
108	Tivi	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
109	Tivi	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
110	Lioa	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
111	Ghế ngồi của công dân	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
112	Ghế ngồi của công dân	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
113	Ghế ngồi của công dân	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
114	Ghế ngồi của công dân	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
115	Ghế ngồi của công dân	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
116	Ghế ngồi của công dân	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
117	Ghế ngồi của công dân	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
118	Kệ để tivi	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
119	Kệ để tivi	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
120	Tủ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
121	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
122	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
123	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
124	Tủ, kệ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Thanh Hóa	Nguyệt Viên
125	Bàn làm việc	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
126	Tủ, kệ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
127	Ghế làm việc	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
128	Ghế làm việc	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
129	Bàn làm việc	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
130	Máy scan	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
131	Tủ, kệ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
132	Máy cắt (hủy tài liệu)	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
133	Ghế làm việc	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
134	Bàn làm việc	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
135	Tủ, kệ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
136	Tủ, kệ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
137	Kệ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
138	Tủ, kệ đựng tài liệu (gỗ)	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
139	Kệ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
140	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
141	Bàn làm việc	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Nguyệt Viên
II	Tài sản giao cho Đảng ủy phường Nguyệt Viên						
A	Xe ô tô						
1	Xe ô tô biển kiểm soát: 36B-168.68	Cái	1	996.000.000	39.810.120	Văn phòng HĐND-UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Nguyệt Viên

Phụ lục III
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO CHO PHƯỜNG HẢI BÌNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho Đảng ủy phường Hải Bình						
1	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Hải Bình
2	Máy in	Cái	1	4.000.000	4.000.000	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Hải Bình
3	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	9.500.000		UBND phường Xuân Lâm	Đảng ủy phường Hải Bình
4	Máy in HP 103	Cái	1	3.500.000		UBND phường Xuân Lâm	Đảng ủy phường Hải Bình
5	Máy tính để bàn	Bộ	1	11.567.000		UBND phường Xuân Lâm	Đảng ủy phường Hải Bình
II	Tài sản giao cho UBND phường Hải Bình						
1	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1			UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
2	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
3	Máy in	Cái	1	4.000.000	4.000.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
4	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
5	Máy in	Cái	1	4.000.000	4.000.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
6	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	2.600.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
7	Máy in	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
8	Bàn máy tính	Cái	1	2.000.000	2.000.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
9	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
10	Máy in	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
11	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	2.600.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
12	Máy in	Cái	1	4.000.000	4.000.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
13	Bộ bàn, ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000	2.000.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
14	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	10.400.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
15	Máy in	Cái	1	4.000.000	4.000.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
16	Bộ bàn, ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000	2.000.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
17	Bộ Máy tính để bàn	Bộ	1			UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
18	Bàn làm việc	Cái	1			UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
19	Máy in	Cái	1			UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
20	Ghế ngồi máy vi tính	Cái	1			UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
21	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	7.000.000	7.000.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
22	Máy tính xách tay	Cái	1			UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
23	Bàn máy tính	Cái	1			UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
24	Ghế ngồi làm việc máy vi tính	Cái	1			UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
25	Máy in	Cái	1			UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
26	Bộ bàn ghế tiếp khách phòng	Bộ	1	7.000.000	7.000.000	Liên đoàn lao động thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
27	Tủ đựng tài liệu văn phòng	Cái	1	5.623.000	5.623.000	Liên đoàn lao động thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
28	Bàn làm việc	Cái	1	5.000.000	5.000.000	Liên đoàn lao động thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
29	Máy in	Cái	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình
30	Điều hòa	Cái	1	9.000.000	1.800.000	UBND phường Hải Thanh	UBND phường Hải Bình
31	Điều hòa	Cái	1	9.000.000	1.800.000	UBND phường Hải Thanh	UBND phường Hải Bình
32	Điều hòa	Cái	1	9.000.000	1.800.000	UBND phường Hải Thanh	UBND phường Hải Bình
33	Điều hòa	Cái	1	9.000.000		UBND phường Hải Thanh	UBND phường Hải Bình

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
34	Điều hòa	Cái	1	9.000.000		UBND phường Hải Thanh	UBND phường Hải Bình
35	Máy scan HP	Cái	1	20.400.000	4.080.000	UBND phường Hải Thanh	UBND phường Hải Bình
36	Máy photocopy	Cái	1	60.000.000		UBND phường Hải Thanh	UBND phường Hải Bình
37	Xe máy Honda Wave S, biển kiểm soát: 36B1-002.32	Cái	1	21.295.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Hải Bình

Phụ lục IV
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO CHO XÃ THỌ XUÂN
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho Đảng ủy xã Thọ Xuân						
A	Đất, nhà						
1	Đất Tru sở Huyện ủy	m ²	6.356	152.558.400.000	152.558.400.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
1.1	Nhà làm việc cơ quan Huyện ủy	m ²	1.394	27.350.148.000	17.504.094.720	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
1.2	Khu nhà công vụ Huyện ủy Thọ Xuân (Nhà khách, nhà ăn, phòng họp trực tuyến...)	m ²		4.075.474.000	2.934.341.280	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
B	Xe ô tô						
1	Xe ô tô Fortuer biển kiểm soát: 36A-013.86	Cái	1	1.090.000.000	799.188.000	UBND huyện Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
2	Xe ô tô Mitsubishi biển kiểm soát: 36B-1737	Cái	1	715.807.000	0	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
C	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Máy tính để bàn CMS	Bộ	1	12.254.045		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
2	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.850.000	5.940.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
3	Máy tính để bàn CMS	Bộ	1	12.254.045		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
4	Bộ máy vi tính để ban BM	Bộ	1	14.500.000	11.600.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
5	Bộ máy vi tính để ban BM	Bộ	1	14.500.000	11.600.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
6	Máy tính để bàn CMS	Bộ	1	12.254.045		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
7	Máy tính Đông Nam Á 2	Bộ	1	14.500.000	2.900.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
8	Máy tính Đông Nam Á 2	Bộ	1	14.500.000	2.900.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
9	Máy tính xách tay (LLV)	Cái	1	21.300.000	17.040.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
10	Máy tính xách tay (LLV)	Cái	1	21.300.000	17.040.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
11	Máy in Canon 2900	Cái	1	4.800.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
12	Máy in Canon 2900	Cái	1	4.800.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
13	Máy in Canon 2900	Cái	1	4.800.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
14	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.150.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
15	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.150.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
16	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.150.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
17	Máy in HP	Cái	1	9.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
18	Máy in HP	Cái	1	9.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
19	Bàn làm việc	Cái	1	4.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
20	Bàn làm việc phun PU màu cánh dán	Cái	1	2.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
21	Bàn làm việc	Cái	1	4.800.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
22	Bàn làm việc	Cái	1	4.800.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
23	Bàn làm việc	Cái	1	1.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
24	Bàn máy vi tính	Cái	1	1.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
25	Bàn máy vi tính	Cái	1	1.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
26	Bàn máy vi tính	Cái	1	1.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
27	Bàn máy vi tính	Cái	1	1.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
28	Bàn máy vi tính	Cái	1	1.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
29	Bàn làm việc	Cái	1	4.800.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
30	Bàn làm việc	Cái	1	4.800.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
31	Ghế làm việc	Cái	1	2.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
32	Ghế làm việc	Cái	1	2.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
33	Ghế làm việc	Cái	1	2.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
34	Ghế làm việc	Cái	1	2.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
35	Ghế Giám Đốc	Cái	1	6.250.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
36	Ghế Giám đốc Hòa Phát	Cái	1	5.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
37	Ghế làm việc	Cái	1	4.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
38	Ghế Xuân Hòa	Cái	1	2.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
39	Ghế xoay Xuân Hòa	Cái	1	440.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
40	Ghế xoay Xuân Hòa	Cái	1	440.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
41	Ghế xoay Xuân Hòa	Cái	1	440.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
42	Ghế xoay Xuân Hòa	Cái	1	440.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
43	Ghế xoay Xuân Hòa	Cái	1	450.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
44	Ghế xoay Xuân Hòa	Cái	1	450.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
45	Ghế xoay Xuân Hòa	Cái	1	450.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
46	Ghế xoay Xuân Hòa	Cái	1	450.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
47	Ghế xoay Xuân Hòa	Cái	1	450.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
48	Tủ 3 buồng công nghệ	Cái	1	11.500.000	958.333	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
49	Tủ gỗ KT: 2x2x0.9 m	Cái	1	18.500.000	1.541.666	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
50	Tủ gỗ 2 cánh	Cái	1	3.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
51	Tủ gỗ 2 cánh	Cái	1	3.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
52	Tủ đựng hồ sơ Hòa phát	Cái	1	7.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
53	Tủ đựng thiết bị âm thanh	Cái	1	5.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
54	Tủ đựng thiết bị âm thanh	Cái	1	5.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
55	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	5.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
56	Tủ nhôm kính đựng ấm chén	Cái	1	2.100.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
57	Tủ nhôm kính đựng ấm chén	Cái	1	2.100.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
58	Tủ phích đựng tài liệu	Cái	1	2.100.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
59	Tủ phích đựng tài liệu	Cái	1	2.100.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
60	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	1	3.450.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
61	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	1	3.450.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
62	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	1	3.450.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
63	Tủ gỗ 2 cánh nhà công vụ	Cái	1	5.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
64	Tủ gỗ 2 cánh nhà công vụ	Cái	1	5.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
65	Tủ gỗ 2 cánh nhà công vụ	Cái	1	5.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
66	Tủ gỗ 2 cánh nhà công vụ	Cái	1	5.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
67	Tủ gỗ 2 cánh nhà công vụ	Cái	1	5.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
68	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	4.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
69	Tủ đựng hồ sơ	Cái	1	7.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
70	Tủ đựng hồ sơ	Cái	1	7.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
71	Tủ đựng hồ sơ	Cái	1	7.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
72	Tủ tài liệu 2 tầng	Cái	1	2.750.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
73	Tủ tài liệu 2 tầng	Cái	1	2.750.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
74	Giá sắt đơn đựng tài liệu	Cái	1	2.280.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
75	Giá sắt đơn đựng tài liệu	Cái	1	2.280.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
76	Giá đựng tài liệu Xuân Hòa GVT02	Cái	1	3.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
77	Giá đựng tài liệu Xuân Hòa GVT02	Cái	1	3.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
78	Giá sắt đôi đựng tài liệu Hòa Phát	Cái	1	3.980.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
79	Giá sắt đôi đựng tài liệu Hòa Phát	Cái	1	3.980.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
80	Giá sắt đôi đựng tài liệu Hòa Phát	Cái	1	3.980.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
81	Kệ sách đa năng	Cái	1	1.820.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
82	Kệ sách đa năng	Cái	1	1.820.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
83	Giá gỗ	Cái	1	900.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
84	Giá gỗ	Cái	1	900.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
85	Giá gỗ	Cái	1	900.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
86	Giá gỗ	Cái	1	800.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
87	Giá gỗ	Cái	1	800.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
88	Tủ đựng hồ sơ Hàn Quốc	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
89	Bàn ghế đồng ký	Cái	1	13.489.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
90	Bàn ghế đồng ký	Cái	1	13.489.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
91	Bàn ghế đồng ký	Cái	1	13.489.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
92	Bàn ghế đồng ký	Cái	1	13.489.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
93	Bàn ghế đồng ký	Cái	1	13.489.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
94	Bàn ghế đồng ký	Cái	1	13.489.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
95	Bàn ghế đồng ký	Cái	1	13.489.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
96	Bộ bàn ghế	Bộ	1	7.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
97	Bộ bàn ghế	Bộ	1	7.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
98	Bộ bàn ghế	Bộ	1	7.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
99	Bộ bàn ghế	Bộ	1	7.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
100	Bộ bàn ghế	Bộ	1	7.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
101	Bàn ghế	Cái	1	18.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
102	Bộ ghế Đồng Kỵ Quốc triện	Bộ	1	60.000.000	7.500.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
103	Bộ bàn ghế Đồng Kỵ Quốc Triện	Bộ	1	60.000.000	15.000.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
104	Bộ bàn ghế Đồng Kỵ Quốc Triện	Bộ	1	75.000.000	18.750.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
105	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	30.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
106	Bộ bàn ghế	Bộ	1	9.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
107	Bộ bàn ghế	Bộ	1	9.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
108	Bộ bàn ghế Đồng Kỵ	Bộ	1	9.840.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
109	Bộ bàn ghế Đồng Kỵ	Bộ	1	9.840.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
110	Bộ bàn ghế Đồng Kỵ	Bộ	1	9.840.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
111	Bộ bàn ghế Đồng Kỵ	Bộ	1	9.840.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
112	Bộ bàn ghế Đồng Kỵ	Bộ	1	9.840.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
113	Bộ bàn ghế	Bộ	1	6.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
114	Bộ bàn ghế	Bộ	1	6.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
115	Bộ bàn ghế	Bộ	1	6.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
116	Bộ bàn ghế	Bộ	1	6.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
117	Bàn tiếp khách phòng Khánh tiết	Cái	1	18.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
118	Bàn tiếp khách phòng Khánh tiết	Cái	1	18.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
119	Bàn tiếp khách phòng Khánh tiết	Cái	1	18.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
120	Bàn tiếp khách phòng Khánh tiết	Cái	1	18.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
121	Bàn kẹp giữa hai ghế	Cái	1	2.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
122	Bàn kẹp giữa hai ghế	Cái	1	2.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
123	Bàn kẹp giữa hai ghế	Cái	1	2.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
124	Bàn kẹp giữa hai ghế	Cái	1	2.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
125	Bàn kẹp giữa hai ghế	Cái	1	2.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
126	Bàn kẹp giữa hai ghế	Cái	1	2.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
127	Bàn kẹp giữa hai ghế	Cái	1	2.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
128	Bàn kẹp giữa hai ghế	Cái	1	2.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
129	Bàn kẹp giữa hai ghế	Cái	1	2.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
130	Bộ bàn trà mặt kính	Bộ	1	3.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
131	Bộ bàn trà mặt kính	Bộ	1	3.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
132	Bộ bàn trà mặt kính	Bộ	1	3.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
133	Bộ bàn trà mặt kính	Bộ	1	3.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
134	Bộ bàn trà mặt kính	Bộ	1	3.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
135	Bộ bàn trà mặt kính	Bộ	1	3.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
136	Bàn kẹp uống nước	Cái	1	1.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
137	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
138	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
139	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
140	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
141	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
142	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
143	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
144	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
145	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
146	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
147	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
148	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
149	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
150	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
151	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
152	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
153	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
154	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
155	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
156	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
157	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
158	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
159	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
160	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
161	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
162	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
163	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
164	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
165	Điều hòa không khí Sumikura	Bộ	1	12.045.666		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
166	Điều hòa treo tường 2020	Bộ	1	14.940.000	5.602.500	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
167	Điều hòa treo tường 2020	Bộ	1	14.940.000	5.602.500	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
168	Điều hòa 18000	Bộ	1	16.525.300		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
169	Điều hòa 18000	Bộ	1	16.525.300		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
170	Điều hòa 18000BTU	Bộ	1	22.246.785	2.780.848	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
171	Điều hòa 12000	Bộ	1	12.045.300		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
172	Điều hòa 12000	Bộ	1	12.045.300		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
173	Điều hòa 18000BTU	Bộ	1	22.246.785	2.780.848	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
174	Điều hòa 18000	Bộ	1	16.525.300		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
175	Điều hòa Daikin	Bộ	1	10.505.427	1.313.178	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
176	Điều hòa 12000BTU	Bộ	1	14.000.000	1.750.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
177	Điều hòa 12000BTU	Bộ	1	14.000.000	12.250.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
178	Điều hòa 18000	Bộ	1	16.525.300		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
179	Điều hòa 12000BTU	Bộ	1	14.000.000	12.250.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
180	Điều hòa 18000	Bộ	1	16.525.300		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
181	Điều hòa Daikin	Bộ	1	10.505.427	1.313.178	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
182	Điều hòa 18000BTU	Bộ	1	19.900.000	17.412.500	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
183	Điều hòa 18000	Bộ	1	16.525.300		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
184	Điều hòa 18000BTU	Bộ	1	22.246.785	2.780.848	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
185	Điều hòa 12000BTU	Bộ	1	14.000.000	12.250.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
186	Điều hòa 12000BTU	Bộ	1	14.000.000	12.250.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
187	Điều hòa Daikin	Bộ	1	10.505.427	1.313.178	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
188	Điều hòa 12000	Bộ	1	12.045.300		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
189	Điều hòa 18000	Bộ	1	16.525.300		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
190	Điều hòa 18000BTU	Bộ	1	22.246.785	2.780.848	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
191	Điều hòa 18000	Bộ	1	16.525.300		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
192	Điều hòa Daikin	Bộ	1	10.505.427	1.313.178	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
193	Điều hòa 12000	Bộ	1	12.045.300		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
194	Điều hòa Daikin	Bộ	1	10.505.427	1.313.178	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
195	Điều hòa Daikin	Bộ	1	10.505.427	1.313.178	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
196	Điều hòa 12000BTU	Bộ	1	14.000.000	12.250.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
197	Điều hoà nhiệt độ	Bộ	1	9.250.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
198	Điều hoà nhiệt độ	Bộ	1	9.250.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
199	Điều hoà nhiệt độ	Bộ	1	9.250.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
200	Điều hoà nhiệt độ	Bộ	1	9.250.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
201	Điều hoà nhiệt độ	Bộ	1	9.250.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
202	Điều hoà nhiệt độ	Bộ	1	9.250.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
203	Điều hoà nhiệt độ	Bộ	1	9.250.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
204	Điều hoà nhiệt độ	Bộ	1	9.250.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
205	Điều hoà không khí âm trần	Bộ	1	46.952.750		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
206	Điều hoà không khí âm trần	Bộ	1	46.952.750		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
207	Điều hoà không khí âm trần	Bộ	1	46.952.750		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
208	Điều hoà không khí âm trần	Bộ	1	46.952.750		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
D	Tài sản khác						
1	Giường Hàn Quốc	Cái	1	3.750.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
2	Giường Hàn Quốc	Cái	1	3.750.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
3	Giường gỗ 1.2M	Cái	1	1.167.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
4	Giường gỗ 1.2M	Cái	1	1.167.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
5	Giường gỗ 1.2M	Cái	1	1.167.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
6	Giường Hàn Quốc	Cái	1	13.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
7	Giường Đài Loan	Cái	1	4.800.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
8	Giường Đài Loan	Cái	1	4.800.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
9	Giường Đài Loan	Cái	1	4.800.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
10	Giường Hàn Quốc	Cái	1	2.650.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
11	Giường Hàn Quốc	Cái	1	2.650.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
12	Giường Hàn Quốc	Cái	1	2.650.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
13	Giường gỗ nhà công vụ	Cái	1	3.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
14	Giường gỗ nhà công vụ	Cái	1	3.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
15	Giường gỗ nhà công vụ	Cái	1	3.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
16	Giường gỗ nhà công vụ	Cái	1	3.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
17	Giường gỗ nhà công vụ	Cái	1	3.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
18	Giường gỗ nhà công vụ	Cái	1	3.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
19	Giường gỗ nhà công vụ	Cái	1	3.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
20	Giường gỗ	Cái	1	3.800.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
21	Giường gỗ	Cái	1	3.800.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
22	Giường gỗ	Cái	1	3.800.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
23	Bục tượng Bác	Cái	1	5.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
24	Bục nói chuyện	Cái	1	5.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
25	Dụng cụ thiết bị điều khiển máy bơm	Dụng cụ	1	5.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
26	Nhà trực công	Nhà	1	20.879.957		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
27	Khung bao cửa cầu thang máy	Khung	1	11.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
28	Hạng mục nội thất	Gói	1	1.292.127.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
29	Cửa cổng phụ	Cái	1	11.780.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
30	Mái che cửa cuốn tự động	Cái	1	10.830.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
31	Vách ngăn phòng làm việc	Vách	1	12.956.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
32	Thảm nỉ trải sàn	Cái	1	64.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
33	Thảm nỉ Ấn độ	Cái	1	40.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
34	Thảm nỉ	Cái	1	29.750.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
35	Ảnh chân dung bác Hồ	Cái	1	35.375.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
36	Vách ngăn phòng làm việc 1	Vách	1	16.236.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
37	Tường ốp gỗ	Bức	1	35.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
38	Sân khấu hội trường	Sân khấu	1	36.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
39	Két Bạc	Cái	1	2.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
40	Phích điện Hàn Quốc	Cái	1	1.250.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
41	Phích điện Hàn Quốc	Cái	1	1.250.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
42	Phích nước điện	Cái	1	900.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
43	Phích điện SaiKo	Cái	1	650.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
44	Phích điện SaiKo	Cái	1	650.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
45	Quạt cây Mitsubishi	Cái	1	2.150.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
46	Quạt cây Mitsubishi	Cái	1	2.150.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
47	Quạt cây Mitsubishi	Cái	1	2.150.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
48	Quạt cây Mitsubishi	Cái	1	2.150.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
49	Quạt cây Mitsubishi	Cái	1	2.150.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
50	Quạt cây Mitsubishi	Cái	1	2.150.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
51	Quạt cây	Cái	1	1.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
52	Quạt cây	Cái	1	1.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
53	Quạt cây	Cái	1	1.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
54	Quạt cây Hàn Quốc	Cái	1	2.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
55	Quạt cây Hàn Quốc	Cái	1	2.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
56	Máy lọc không khí	Cái	1	8.030.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
57	Máy lọc không khí	Cái	1	8.190.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
58	Tủ lạnh	Cái	1	5.750.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
59	Máy photocopy Canon 2530W	Cái	1	74.970.000	18.742.500	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
60	Tivi panasonic 1	Cái	1	21.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
61	Tivi panasonic 2	Cái	1	10.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
62	Tivi Samsung	Cái	1	11.950.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
63	Tivi Samsung 55 inch	Cái	1	18.500.000	3.700.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
64	Tivi Samsung 55 inch	Cái	1	18.500.000	3.700.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
65	Tivi Samsung 55 inch LH55D	Cái	1	43.829.250	43.829.250	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
66	Tivi Samsung 55 inch LH55D	Cái	1	43.829.250	43.829.250	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
67	Tivi Samsung 55 inch LH55D	Cái	1	43.829.250	43.829.250	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
68	Tivi Samsung 55 inch LH55D	Cái	1	43.829.250	43.829.250	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
69	Tivi 85 inch	Cái	1	94.800.000	75.840.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
70	Tivi Samsung	Cái	1	6.960.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
71	Tivi Samsung	Cái	1	6.960.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
72	Tivi Samsung	Cái	1	6.960.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
73	Tivi Samsung	Cái	1	6.960.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
74	Tivi Samsung	Cái	1	6.960.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
75	Bàn hội thảo Đài Loan	Cái	1	8.400.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
76	Bàn kẹp 2 chủ tọa	Cái	1	3.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
77	Bàn chủ tọa	Cái	1	3.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
78	Bàn giám đốc Hòa Phát	Cái	1	6.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
79	Bàn giám đốc Đài Loan	Cái	1	4.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
80	Bộ bàn ăn 2 tầng mặt kính	Bộ	1	2.650.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
81	Bộ bàn ăn 2 tầng mặt kính	Bộ	1	2.650.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
82	Bộ bàn ăn 2 tầng mặt kính	Bộ	1	2.650.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
83	Bộ bàn ăn 2 tầng mặt kính	Bộ	1	2.650.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
84	Bộ bàn ăn 2 tầng mặt kính	Bộ	1	2.650.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
85	Bộ bàn ăn 2 tầng mặt kính	Bộ	1	2.650.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
86	Bộ bàn ăn 2 tầng mặt kính	Bộ	1	2.650.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
87	Bộ bàn ăn 2 tầng mặt kính	Bộ	1	2.650.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
88	Bộ bàn ăn 2 tầng mặt kính	Bộ	1	2.650.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
89	Bộ bàn ăn 2 tầng mặt kính	Bộ	1	2.650.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
90	Bộ bàn phòng họp	Bộ	1	21.700.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
91	Bàn họp hình chữ nhật	Cái	1	55.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
92	Bàn họp giữa	Cái	1	79.200.000	69.300.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
93	Bàn hội thảo	Cái	1	6.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
94	Bàn hội thảo	Cái	1	6.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
95	Bàn hội thảo	Cái	1	6.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
96	Bàn hội thảo	Cái	1	6.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
97	Bàn hội thảo	Cái	1	6.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
98	Bàn họp	Cái	1	5.700.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
99	Bàn họp	Cái	1	5.700.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
100	Bàn họp	Cái	1	5.700.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
101	Bàn họp	Cái	1	5.700.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
102	Bàn họp	Cái	1	5.700.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
103	Bàn họp	Cái	1	5.700.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
104	Bàn họp	Cái	1	5.700.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
105	Bàn họp	Cái	1	5.700.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
106	Bàn họp	Cái	1	5.700.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
107	Bàn họp	Cái	1	5.700.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
108	Bàn họp	Cái	1	5.700.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
109	Bàn họp	Cái	1	5.700.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
110	Bàn họp	Cái	1	5.700.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
111	Bàn họp	Cái	1	5.700.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
112	Bàn họp	Cái	1	5.700.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
113	Bàn họp	Cái	1	5.700.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
114	Âm ly phòng họp	Cái	1	12.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
115	Âm ly phòng họp	Cái	1	12.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
116	Mic không dây	Cái	1	6.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
117	Bộ thu mic không dây	Bộ	1	5.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
118	Bộ âm thanh trực tuyến	Bộ	1	362.450.000	289.960.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
119	Bộ âm thanh phòng họp BCH	Bộ	1	157.811.500	126.249.200	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
120	Máy trung tâm âm thanh PH	Cái	1	15.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
121	Bộ điều khiển trung tâm TOA TS-680-AS	Bộ	1	13.661.000	13.661.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
122	Amply kèm mixer công suất 240W TOA A-2240D-AS	Cái	1	11.384.000	11.384.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
123	Thiết bị xử lý âm thanh	Thiết bị	1	5.800.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
124	Cáp điện Cadivi 3x25x1x16	Gói	1	36.800.000	11.500.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
125	Dây cáp điện Cahivi CVV4x120m	Gói	1	67.500.000	21.093.750	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
126	Hệ thống thang máy cơ quan	Hệ thống	1	856.990.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
127	Thiết bị phòng họp hội nghị trực tuyến Group 500-PCHD	Gói	1	578.545.000	361.591.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
128	Máy huỷ tài liệu EBA2127S	Cái	1	28.400.000	28.400.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
129	Bảng điện tử đèn led 3200x1600	Bảng	1	187.699.200	150.159.360	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
130	Bảng led điện tử (lịch làm việc)	Bảng	1	130.000.000	104.000.000	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
131	Máy bơm nước Pentax	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
132	Máy ảnh Canon G1X	Cái	1	11.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
133	Nguồn điện dự phòng UPS online Santak C3KE	Nguồn	1	33.356.000	12.508.500	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
134	Máy quét 2 mặt Duplex HP Scanjet Pro 3000S2	Cái	1	11.950.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
135	Máy scan HP	Cái	1	8.819.800		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
136	Bộ máy chiếu Epson EB-X31	Bộ	1	20.730.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
137	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
138	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
139	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
140	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
141	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
142	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
143	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
144	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
145	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
146	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
147	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
148	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
149	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
150	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
151	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
152	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
153	Ghế chủ tọa phòng khánh tiết	Cái	1	17.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
154	Ghế chủ tọa phòng khánh tiết	Cái	1	17.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
155	Ghế bọc da cao cấp	Cái	1	18.500.000	3.468.750	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
156	Ghế chủ tọa phòng khánh tiết	Cái	1	17.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
157	Ghế giám đốc	Cái	1	15.000.000	2.812.500	Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
158	Ghế chủ tọa phòng khánh tiết	Cái	1	17.000.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
159	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
160	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
161	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
162	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
163	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
164	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
165	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
166	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
167	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
168	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
169	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
170	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
171	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
172	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
173	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
174	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
175	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
176	Ghế băng phòng họp	Cái	1	27.267.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
177	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
178	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
179	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
180	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
181	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
182	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
183	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
184	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
185	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
186	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
187	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
188	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
189	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
190	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
191	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
192	Ghế phòng khánh tiết	Cái	1	16.500.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
193	Ghế thợ cân	Cái	1	4.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
194	Ghế thợ cân	Cái	1	4.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
195	Ghế thợ cân	Cái	1	4.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
196	Ghế thợ cân	Cái	1	4.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
197	Ghế thợ cân	Cái	1	4.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
198	Ghế thợ cân	Cái	1	4.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
199	Ghế thợ cân	Cái	1	4.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
200	Ghế thợ cân	Cái	1	4.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
201	Ghế thợ cân	Cái	1	4.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
202	Ghế thợ cân	Cái	1	4.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
203	Ghế chủ tọa Đồng Kỵ	Cái	1	2.750.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
204	Ghế chủ tọa Đồng Kỵ	Cái	1	2.750.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
205	Ghế chủ tọa Đồng Kỵ	Cái	1	2.750.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
206	Ghế bọc da	Cái	1	8.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
207	Ghế bọc da	Cái	1	8.200.000		Huyện ủy Thọ Xuân	Đảng ủy xã Thọ Xuân
II	Tài sản giao cho UBND xã Thọ Xuân						
A	Đất, nhà						
1	Đất Tru sở UBND huyện	m ²	8.462	171.417.600.000	171.417.600.000	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
1.1	Nhà 3 tầng - Nhà A	m ²	3.793	9.415.027.785	5.649.016.671	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
1.2	Nhà 3 tầng - Nhà B	m ²		5.583.843.398	2.233.537.359	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
1.3	Khu nhà tiếp dân và phục vụ Hành chính công	m ²	720	5.690.624.000	4.324.874.240	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
1.4	Nhà khách UBND huyện	m ²	1.000			UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
2	Đất Tru sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể huyện	m ²	1.980	9.504.960.000	9.504.960.000	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
2.1	Nhà làm việc 3 tầng	m ²	500	7.257.834.000	3.193.446.960	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
2.2	Nhà làm việc 2 tầng	m ²		1.537.942.000		UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
3	Đất Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện	m ²	3.464	16.629.120.000	16.629.120.000	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
3.1	Nhà giảng đường 1	m ²	1.150	1.406.838.000	337.641.120	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
3.2	Nhà giảng đường 2	m ²		2.909.492.000	1.745.695.000	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
4	Đất Trung tâm Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch	m ²	64.416	357.200.000.000	357.200.000.000	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
4.1	Nhà làm việc Trung tâm văn hóa TT& DL	m ²	640	14.802.939.000	7.697.528.280	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
4.2	Nhà thi đấu	m ²	13.223	47.644.103.000	36.209.518.280	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
5	Đất Trung tâm hội nghị	m ²	16.188	182.265.000.000	182.265.000.000	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
5.1	Nhà làm việc Trung tâm hội nghị	m ²	4.182	10.887.979.000	4.355.191.600	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
6	Đất Trụ sở Đội giao thông 6 và các hội đặc thù	m ²	2.248			UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
6.1	Nhà làm việc	m ²	250			UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
7	Đất Trụ sở Hội Đông y	m ²	615			UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
7.1	Nhà làm việc	m ²	102			UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
8	Đất Trụ sở Hội người mù	m ²	708	2.342.977.000	1.333.408.868	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
8.1	Nhà làm việc	m ²	160			UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
9	Đất Trụ sở Trạm bảo vệ thực vật (cũ)	m ²	1.227			UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
9.1	Nhà làm việc	m ²	81			UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân
B	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Bồn nước Sơn Hà 6000l	Cái	1	19.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
2	Máy photocopy Ricoh3	Cái	1	58.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
3	Bộ bàn ghế da Đài Loan TQ22	Cái	1	15.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
4	Bàn ghế Đài Loan	Bộ	1	35.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
5	Bàn chữ O	Cái	1	22.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
6	Bộ bàn ghế Đồng Kỵ 2	Bộ	1	99.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
7	Bàn ghế Đồng Kỵ	Bộ	1	50.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
8	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
9	Máy điều hòa cây Sumikura	Cái	1	40.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
10	Máy điều hòa cây Sumikura	Cái	1	40.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
11	Máy điều hòa Panasonic KC24QHK	Cái	1	29.770.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
12	Máy điều hòa Panasonic KC24QHK	Cái	1	29.770.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
13	Máy điều hòa Mitsubishi HL 50VC	Cái	1	15.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
14	Máy điều hòa Panasonic KC18QHK	Cái	1	22.840.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
15	Điều hòa Panasonic 18000BTU	Cái	1	19.875.000	2.484.375	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
16	Điều hòa Panasonic 18000BTU	Cái	1	19.875.000	2.484.375	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
17	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
18	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
19	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
20	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
21	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
22	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
23	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
24	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
25	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
26	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
27	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
28	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
29	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
30	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
31	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
32	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
33	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
34	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
35	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
36	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
37	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
38	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
39	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
40	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
41	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
42	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
43	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
44	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
45	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
46	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
47	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
48	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
49	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
50	Điều hoà Toshiba 12000BTU	Cái	1	14.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
51	Điều hoà Toshiba 18000BTU	Cái	1	19.900.000	17.412.500	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
52	Điều hoà Toshiba 18000BTU	Cái	1	19.900.000	17.412.500	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
53	Điều hoà Toshiba 18000BTU	Cái	1	19.900.000	17.412.500	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
54	Điều hoà Toshiba 18000BTU	Cái	1	19.900.000	17.412.500	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
55	Điều hoà Toshiba 18000BTU	Cái	1	19.900.000	17.412.500	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
56	Điều hoà Toshiba 24000BTU	Cái	1	29.150.000	25.506.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
57	Điều hoà Toshiba 24000BTU	Cái	1	29.150.000	25.506.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
58	Điều hoà Toshiba 24000BTU	Cái	1	29.150.000	25.506.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
59	Điều hoà Funiki	Cái	1	6.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
60	Điều hoà Mitsubishi	Cái	1	6.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
61	Điều hoà Mitsubishi	Cái	1	6.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
62	Điều hoà Mitsubishi	Cái	1	6.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
63	Điều hoà Mitsubishi	Cái	1	6.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
64	Điều hoà Mitsubishi	Cái	1	6.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
65	Điều hoà Mitsubishi	Cái	1	6.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
66	Điều hoà Mitsubishi	Cái	1	6.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
67	Điều hoà Mitsubishi	Cái	1	6.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
68	Điều hoà Mitsubishi	Cái	1	6.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
69	Điều hoà Mitsubishi	Cái	1	6.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
70	Điều hoà Mitsubishi	Cái	1	6.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
71	Điều hoà Mitsubishi	Cái	1	6.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
72	Điều hoà Mitsubishi	Cái	1	6.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
73	Điều hoà Mitsubishi	Cái	1	6.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
74	Điều hoà Mitsubishi	Cái	1	6.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
75	Điều hoà Panasonic	Cái	1	19.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
76	Điều hoà Panasonic	Cái	1	19.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
77	Điều hoà Panasonic	Cái	1	19.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
78	Điều hoà Panasonic	Cái	1	19.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
79	Lưu điện Santak C2KR	Cái	1	26.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
80	Máy lọc nước cơ quan	Cái	1	6.664.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
81	Máy lọc nước cơ quan	Cái	1	6.664.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
82	Máy lọc nước cơ quan	Cái	1	6.664.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
83	Tivi Samsung 55 inch	Cái	1	17.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
84	Tivi Samsung 65 inch	Cái	1	36.035.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
85	Tivi Samsung 65 inch	Cái	1	36.035.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
86	Tivi Samsung 65 inch	Cái	1	36.035.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
87	Tivi Samsung 65 inch	Cái	1	36.035.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
88	Hệ thống âm thanh phòng họp tầng 3 nhà A	Hệ thống	1	144.204.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
89	Hệ thống loa phòng họp	Hệ thống	1	166.860.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
90	Loa, máy chiếu HT tầng 3 nhà B	Hệ thống	1	19.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
91	Màn hình led chạy lịch công	Cái	1	136.000.000	108.800.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
	tác sảnh tầng 1 nhà A						
92	Màn hình led phòng họp tầng 3 nhà B	Cái	1	890.000.000	712.000.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
93	Hệ thống mạng nhà A	Hệ thống	1	174.325.000	139.460.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
94	Hệ thống mạng nhà B	Hệ thống	1	143.438.000	114.750.400	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
95	Thiết bị hội nghị truyền hình trực tuyến	Cái	1	38.500.000	30.800.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
96	Máy tính xách tay điều khiển màn hình led	Cái	1	21.300.000	17.040.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
97	Camera an ninh cơ quan UBND huyện	Hệ thống	1	34.980.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
98	Máy bơm nước Honda 2	Cái	1	21.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
99	Phần mềm Misa 2014	Phần mềm	1	11.000.000	11.000.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
100	Phần mềm QLCBCC	Phần mềm	1	83.600.000	83.600.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
101	Phần mềm QLTS Nhà nước	Phần mềm	1	20.000.000	20.000.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
102	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	Hệ thống	1	49.161.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
103	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	9.095.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
104	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	9.095.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
105	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	9.095.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
106	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	9.095.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
107	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	9.095.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
108	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	9.095.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
109	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	9.095.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
110	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	9.095.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
111	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	9.095.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
112	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	9.095.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
113	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	9.095.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
114	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	9.095.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
115	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	9.095.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
116	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	9.095.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
117	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	9.095.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
118	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	9.095.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
119	Máy chủ HP Proliant ML 370 G6	Bộ	1	67.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
120	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.937.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
121	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
122	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
123	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
124	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
125	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
126	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
127	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
128	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
129	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
130	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
131	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
132	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
133	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
134	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
135	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
136	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
137	Tủ khám trai	Cái	1	2.850.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
138	Bàn làm việc	Cái	1	330.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
139	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	2.505.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
140	Tủ sắt XH	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
141	Bàn làm việc	Cái	1	5.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
142	Ghế xoay	Cái	1	825.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
143	Bàn máy tính	Cái	1	330.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
144	Tủ sắt XH	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
145	Tủ sắt XH	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
146	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.920.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
147	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	9.750.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
148	Bàn làm việc	Cái	1	2.160.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
149	Bàn làm việc	Cái	1	330.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
150	Ghế xoay HP	Cái	1	825.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
151	Ghế xoay nhỏ	Cái	1	285.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
152	Quạt điện cơ 91	Cái	1	490.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
153	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.537.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
154	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.537.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
155	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.537.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
156	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.537.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
157	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
158	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
159	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.537.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
160	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
161	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
162	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
163	Ghế xoay	Cái	1	825.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
164	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
165	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.537.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
166	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
167	Lưu điện 500VA	Cái	1	1.100.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
168	Bàn làm việc Đài Loan	Cái	1	2.925.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
169	Bàn máy tính Xuân Hòa	Cái	1	750.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
170	Ghế xoay trường phòng	Cái	1	3.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
171	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
172	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.920.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
173	Bàn làm việc Xuân Hòa	Cái	1	500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
174	Bàn làm việc Xuân Hòa	Cái	1	500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
175	Ghế xoay	Cái	1	285.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
176	Ghế xoay	Cái	1	285.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
177	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
178	Lưu điện 500VA	Cái	1	1.100.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
179	Két sắt	Cái	1	1.575.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
180	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
181	Tủ sắt tài liệu XH	Cái	1	1.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
182	Tủ sắt tài liệu XH	Cái	1	1.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
183	Tủ sắt tài liệu XH	Cái	1	1.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
184	Tủ sắt tài liệu XH	Cái	1	1.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
185	Bàn làm việc	Cái	1	1.250.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
186	Ghế gấp Xuân Hòa	Cái	1	585.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
187	Ghế gấp Xuân Hòa	Cái	1	585.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
188	Ghế xoay	Cái	1	887.500		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
189	Tủ sắt tài liệu XH	Cái	1	1.522.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
190	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
191	Bàn làm việc HP	Cái	1	1.850.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
192	Ghế xoay HP	Cái	1	850.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
193	Ghế xoay nhỏ	Cái	1	502.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
194	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
195	Tủ sắt	Cái	1	1.537.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
196	Bàn làm việc	Cái	1	1.850.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
197	Bàn làm việc	Cái	1	1.850.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
198	Bàn làm việc	Cái	1	1.850.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
199	Ghế xoay HP	Cái	1	850.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
200	Ghế xoay HP	Cái	1	850.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
201	Ghế xoay nhỏ	Cái	1	502.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
202	Bàn làm việc lớn	Cái	1	900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
203	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
204	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
205	Tủ sắt	Cái	1	768.500		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
206	Tủ sắt	Cái	1	768.500		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
207	Giá sách nhôm	Cái	1	3.665.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
208	Bàn làm việc Xuân Hòa	Cái	1	360.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
209	Bàn gỗ	Cái	1	675.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
210	Ghế xoay nhỏ	Cái	1	285.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
211	Ôn áp Lioa	Cái	1	4.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
212	Tủ gỗ gắn tường	Cái	1	2.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
213	Máy scan	Cái	1	4.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
214	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
215	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.920.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
216	Tủ gỗ kính đựng cốc chén	Cái	1	900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
217	Tủ sắt kính	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
218	Tủ sắt kính	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
219	Tủ sắt tài liệu XH	Cái	1	1.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
220	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.920.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
221	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.920.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
222	Bàn làm việc	Cái	1	1.600.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
223	Bàn máy tính	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
224	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	1.650.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
225	Ghế xoay nhỏ	Cái	1	502.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
226	Bàn tiếp dân	Cái	1	650.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
227	Bàn tiếp dân	Cái	1	650.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
228	Bàn tiếp dân	Cái	1	650.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
229	Bàn tiếp dân	Cái	1	650.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
230	Bàn tiếp dân	Cái	1	650.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
231	Bàn tiếp dân	Cái	1	650.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
232	Tủ sắt kính XH	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
233	Bàn làm việc	Cái	1	1.600.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
234	Bàn làm việc	Cái	1	1.600.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
235	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	1.650.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
236	Ghế xoay	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
237	Ghế xoay nhỏ	Cái	1	502.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
238	Máy scan	Cái	1	4.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
239	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
240	Tủ sắt kính XH	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
241	Bàn làm việc	Cái	1	4.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
242	Bàn máy tính	Cái	1	1.350.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
243	Ghế xoay trường phòng	Cái	1	1.350.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
244	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
245	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
246	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
247	Giá sắt tài liệu	Cái	1	3.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
248	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	3.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
249	Bàn máy tính Hòa Phát	Cái	1	1.125.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
250	Bàn máy tính Hòa Phát	Cái	1	1.125.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
251	Bàn làm việc lớn	Cái	1	900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
252	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
253	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
254	Ghế	Cái	1	350.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
255	Ghế	Cái	1	350.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
256	Tủ sắt	Cái	1	1.050.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
257	Tủ sắt	Cái	1	1.050.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
258	Tủ sắt	Cái	1	1.050.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
259	Tủ sắt	Cái	1	1.050.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
260	Bàn máy tính Hòa Phát	Cái	1	2.250.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
261	Ghế	Cái	1	350.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
262	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
263	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
264	Tủ sắt	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
265	Tủ sắt	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
266	Bàn làm việc	Cái	1	637.500		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
267	Bàn làm việc	Cái	1	637.500		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
268	Máy in	Cái	1	3.050.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
269	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
270	Tủ sắt	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
271	Tủ sắt	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
272	Tủ sắt	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
273	Tủ sắt	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
274	Bàn làm việc	Cái	1	337.500		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
275	Bàn làm việc	Cái	1	337.500		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
276	Ghế xoay trường phòng	Cái	1	502.500		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
277	Ghế xoay	Cái	1	700.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
278	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
279	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
280	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
281	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
282	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
283	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
284	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
285	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
286	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
287	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
288	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
289	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
290	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
291	Bàn làm việc	Cái	1	337.500		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
292	Bàn làm việc	Cái	1	337.500		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
293	Ghế	Cái	1	502.500		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
294	Giá sắt tài liệu	Cái	1	1.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
295	Giá sắt tài liệu	Cái	1	1.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
296	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
297	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
298	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
299	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
300	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
301	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
302	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
303	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
304	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
305	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
306	Bàn làm việc	Cái	1	1.250.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
307	Ghế	Cái	1	502.500		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
308	Máy in Canon	Cái	1	3.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
309	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
310	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
311	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
312	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
313	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
314	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
315	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
316	Tủ gỗ công nghiệp	Cái	1	675.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
317	Bàn làm việc Xuân Hòa	Cái	1	337.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
318	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	3.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
319	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
320	Tủ khám trai	Cái	1	2.850.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
321	Bàn làm việc Xuân Hòa	Cái	1	330.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
322	Bàn máy tính Hòa Phát	Cái	1	1.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
323	Cây treo quần áo	Cái	1	250.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
324	Giá tài liệu	Cái	1	4.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
325	Giá tài liệu	Cái	1	4.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
326	Giá tài liệu	Cái	1	4.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
327	Loa vi tính	Cái	1	700.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
328	Máy in Canon 2900	Cái	1	900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
329	Tủ khám trai	Cái	1	2.850.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
330	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
331	Tủ gỗ kính đựng cốc chén	Cái	1	900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
332	Máy lọc nước ion kiềm	Cái	1	9.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
333	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.700.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
334	Bàn làm việc Đài Loan	Cái	1	2.925.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
335	Bàn máy tính Hòa Phát	Cái	1	1.200.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
336	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	2.505.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
337	Ghế xoay hơi cao cấp	Cái	1	2.470.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
338	Ghế gấp Xuân Hòa	Cái	1	350.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
339	Ghế gấp Xuân Hòa	Cái	1	350.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
340	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
341	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	9.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
342	Tủ sắt kính XH	Cái	1	5.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
343	Tủ sắt tài liệu XH	Cái	1	3.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
344	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.700.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
345	Bàn máy tính	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
346	Bàn máy tính	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
347	Ghế xoay	Cái	1	500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
348	Ghế xoay	Cái	1	500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
349	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	3.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
350	Bàn máy tính	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
351	Bàn máy tính	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
352	Bàn máy tính	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
353	Ghế xoay	Cái	1	500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
354	Ghế xoay	Cái	1	500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
355	Ghế xoay	Cái	1	500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
356	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	5.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
357	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.700.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
358	Bàn làm việc	Cái	1	1.650.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
359	Bàn làm việc Đài Loan	Cái	1	4.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
360	Ghế xoay nhỏ	Cái	1	2.700.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
361	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	2.100.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
362	Ghế xoay nhỏ	Cái	1	1.462.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
363	Máy in Canon 2900	Cái	1	12.400.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
364	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
365	Tủ sắt	Cái	1	3.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
366	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
367	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	2.505.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
368	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.537.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
369	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
370	Bàn làm việc	Cái	1	330.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
371	Ghế	Cái	1	250.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
372	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
373	Tủ sắt tài liệu XH	Cái	1	1.537.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
374	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	9.750.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
375	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
376	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.537.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
377	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.537.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
378	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
379	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.537.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
380	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.537.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
381	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.537.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
382	Bàn làm việc	Cái	1	990.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
383	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	1.650.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
384	Ghế xoay nhỏ	Cái	1	660.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
385	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
386	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
387	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	1.650.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
388	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.700.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
389	Bàn làm việc Đài Loan	Cái	1	2.925.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
390	Bàn máy tính Hòa Phát	Cái	1	1.200.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
391	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	5.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
392	Ghế xoay hơi cao cấp	Cái	1	2.470.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
393	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
394	Tủ gỗ kính	Cái	1	2.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
395	Tủ gỗ	Cái	1	3.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
396	Bàn làm việc	Cái	1	1.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
397	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	9.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
398	Ghế xoay	Cái	1	550.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
399	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	2.505.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
400	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
401	Bàn làm việc	Cái	1	1.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
402	Ghế xoay	Cái	1	550.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
403	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	2.505.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
404	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
405	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
406	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1	5.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
407	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
408	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
409	Tủ sắt tài liệu	Cái	1	1.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
410	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
411	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
412	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
413	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
414	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
415	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
416	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
417	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
418	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
419	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
420	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
421	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
422	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
423	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
424	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
425	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
426	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
427	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
428	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
429	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
430	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
431	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
432	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
433	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
434	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
435	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
436	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
437	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
438	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
439	Ghế bọc nỉ	Cái	1	3.124.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
440	Bàn họp	Cái	1	2.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
441	Bàn họp	Cái	1	2.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
442	Bàn họp	Cái	1	2.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
443	Bàn họp	Cái	1	2.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
444	Bàn họp	Cái	1	2.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
445	Bàn họp	Cái	1	2.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
446	Bàn họp	Cái	1	2.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
447	Bàn họp	Cái	1	2.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
448	Bàn họp	Cái	1	2.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
449	Bàn họp	Cái	1	2.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
450	Bàn họp	Cái	1	2.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
451	Bàn họp	Cái	1	2.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
452	Bàn họp	Cái	1	2.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
453	Bàn họp	Cái	1	2.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
454	Máy photocopy Ricoh 3	Cái	1	58.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
455	Tivi Sam Sung 55 inch	Cái	1	17.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
456	Tivi Samsung 65 inch	Cái	1	36.035.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
457	Tivi Samsung 65 inch	Cái	1	36.035.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
458	Tivi Samsung 65 inch	Cái	1	36.035.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
459	Tivi Samsung 65 inch	Cái	1	36.035.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
460	Lưu điện Santak C2KR	Cái	1	26.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
461	Máy lọc nước Cơ quan	Cái	1	19.990.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
462	Hệ thống âm thanh phòng họp tầng 3 nhà A	Bộ	1	144.204.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
463	Hệ thống loa phòng họp	Bộ	1	166.860.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
464	Loa, máy chiếu HT tầng 3 nhà B	Bộ	1	19.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
465	Camera an ninh cơ quan UBND huyện	Bộ	1	34.980.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
466	Máy bơm nước Honda 2	Cái	1	21.000.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
467	Hệ thống mạng nhà A	Bộ	1	174.325.000	139.460.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
468	Hệ thống mạng nhà B	Bộ	1	143.438.000	114.750.400	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
469	Màn hình led phòng họp tầng 3 nhà B	Cái	1	890.000.000	712.000.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
470	Màn hình led chạy lịch công tác sảnh tầng 1 nhà A	Cái	1	136.000.000	108.800.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
471	Thiết bị hội nghị truyền hình	Cái	1	38.500.000	30.800.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
	trực tuyến						
472	Bồn nước Sơn Hà 6000l	Cái	1	19.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
473	Phần mềm Misa 2014	Phần mềm	1	11.000.000	11.000.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
474	Phần mềm QLCBCC	Phần mềm	1	83.600.000	83.600.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
475	Phần mềm QLTS Nhà nước	Phần mềm	1	20.000.000	20.000.000	UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
476	Giường	Cái	1	1.650.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
477	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.920.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
478	Quạt điện cơ 91	Cái	1	490.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
479	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
480	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
481	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
482	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
483	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
484	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
485	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
486	Lưu điện 500VA	Cái	1	1.100.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
487	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.920.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
488	Két sắt	Cái	1	1.575.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
489	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
490	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
491	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
492	Giường	Cái	1	1.650.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
493	Ôn áp Lioa	Cái	1	4.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
494	Máy scan	Cái	1	4.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
495	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.920.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
496	Tủ gỗ kính đựng cốc chén	Cái	1	900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
497	Máy scan	Cái	1	4.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
498	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
499	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
500	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
501	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
502	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
503	Giường ngủ	Cái	1	1.650.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
504	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
505	Loa vi tính	Cái	1	700.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
506	Tủ lạnh	Cái	1	3.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
507	Tủ khám trai	Cái	1	2.850.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
508	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
509	Tủ gỗ kính đựng cốc chén	Cái	1	900.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
510	Máy lọc nước ion kiềm	Cái	1	9.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
511	Giường ngủ	Cái	1	3.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
512	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.700.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
513	Tủ lạnh	Cái	1	2.850.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
514	Tủ lạnh	Cái	1	2.850.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
515	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.700.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
516	Giường ngủ	Cái	1	1.650.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
517	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.700.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
518	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.700.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
519	Bàn máy tính	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
520	Bàn máy tính	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
521	Bàn máy tính	Cái	1	1.800.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
522	Tủ bảo vệ máy tính	Cái	1	6.589.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
523	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.700.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
524	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
525	Rèm màn gỗ	Cái	1	3.168.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
526	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
527	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
528	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
529	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
530	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
531	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
532	Giường ngủ	Cái	1	1.650.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
533	Quạt Mitsubishi	Cái	1	1.700.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
534	Tủ lạnh	Cái	1	2.850.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
535	Quạt trần	Cái	1	820.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
536	Bàn chữ O	Cái	1	22.500.000		UBND Huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
537	Máy phát điện Honda	Cái	1	16.800.000		Hội Người mù huyện Thọ Xuân	UBND Xã Thọ Xuân
III	Tài sản giao cho Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân						
1	Máy tính để bàn Dell optiplex	Bộ	1	13.000.000	2.077.000	Trung tâm Chính trị	Trung tâm Chính trị

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						huyện Thọ Xuân	xã Thọ Xuân
2	Máy tính để bàn Dell optiplex	Bộ	1	13.000.000	2.077.000	Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
3	Máy tính để bàn Dell optiplex	Bộ	1	13.000.000	2.077.000	Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
4	Bàn máy tính	Cái	1	2.500.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
5	Bàn máy tính	Cái	1	2.500.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
6	Bàn máy tính	Cái	1	2.500.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
7	Máy tính xách tay Dell	Cái	1	17.369.000	5.000.000	Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
8	Máy tính xách tay HP	Cái	1	14.900.000	5.960.000	Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
9	Máy in Canon LP 2900	Cái	1	1.979.200		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
10	Máy in Canon LP 2900	Cái	1	1.979.200		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
11	Máy in Canon LP 2900	Cái	1	1.979.200		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
12	Bộ bàn, ghế làm việc	Bộ	1	4.950.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
13	Bộ bàn, ghế làm việc	Bộ	1	4.950.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
14	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	1	5.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
15	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	1	5.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
16	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	1	5.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
17	Bộ bàn ghế đồng ky	Bộ	1	9.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
18	Bộ bàn ghế đồng ky	Bộ	1	9.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
19	Điều hòa treo tường Panasonic	Cái	1	12.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
20	Điều hòa treo tường Panasonic	Cái	1	12.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
21	Điều hòa treo tường Panasonic	Cái	1	12.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
22	Điều hòa treo tường Panasonic	Cái	1	12.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
23	Máy điều hòa Daikin 1 chiều inveter 9000BTU	Cái	1	10.989.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
24	Máy điều hòa Daikin 1 chiều inveter 9000BTU	Cái	1	10.989.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
25	Máy điều hòa Daikin 1 chiều inveter 9000BTU	Cái	1	10.989.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
26	Máy điều hòa Daikin 1 chiều inveter 9000BTU	Cái	1	10.989.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
27	Máy điều hòa Daikin 1 chiều inveter 9000BTU	Cái	1	10.989.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
28	Máy điều hòa Daikin 1 chiều	Cái	1	10.989.000		Trung tâm Chính trị	Trung tâm Chính trị

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
	inveter 9000BTU					huyện Thọ Xuân	xã Thọ Xuân
29	Máy điều hòa Daikin 1 chiều inveter 9000BTU	Cái	1	10.989.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
30	Máy điều hòa Daikin 1 chiều inveter 9000BTU	Cái	1	10.989.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
31	Máy điều hòa Daikin 1 chiều inveter 9000BTU	Cái	1	10.989.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
32	Máy điều hoà Daikin 1 chiều inveter 9000BTU	Cái	1	10.989.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
33	Điều hoà Daikin 5000BTU	Cái	1	30.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
34	Điều hoà Daikin 5000BTU	Cái	1	30.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
35	Phần mềm Misa	Phần mềm	1	6.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
36	Phần mềm QLTSVN	Phần mềm	1	8.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
37	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
38	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
39	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
40	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
41	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
42	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
43	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
44	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
45	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
46	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
47	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
48	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
49	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
50	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
51	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
52	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
53	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
54	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
55	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị	Trung tâm Chính trị

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						huyện Thọ Xuân	xã Thọ Xuân
56	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
57	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
58	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
59	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
60	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
61	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
62	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
63	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
64	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
65	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
66	Bộ bàn ghế học viên loại to	Bộ	1	4.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
67	Tivi Samsung 43inch n5510	Cái	1	10.300.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
68	Máy phát điện	Cái	1	98.500.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
69	Quạt cây Mitsubishi	Cái	1	1.500.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
70	Quạt cây Mitsubishi	Cái	1	1.500.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
71	Bức tượng Bác Hồ	Cái	1	5.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
72	Bức tượng Bác Hồ	Cái	1	5.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
73	Bức giảng viên	Cái	1	5.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
74	Bức giảng viên	Cái	1	5.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
75	Tủ quần áo	Cái	1	2.500.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
76	Tủ quần áo	Cái	1	2.500.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
77	Máy lọc nước Karofi	Cái	1	6.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
78	Bình nóng lạnh Arition	Cái	1	6.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
79	Bình nóng lạnh Arition	Cái	1	6.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
80	Máy Bơm nước	Cái	1	6.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
81	Tép nước 300lit	Cái	1	3.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
82	Máy chiếu Sony VPLEX 430	Cái	1	19.800.000		Trung tâm Chính trị	Trung tâm Chính trị

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						huyện Thọ Xuân	xã Thọ Xuân
83	Máy chiếu Sony VPLEX 430	Cái	1	19.800.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
84	Máy chiếu EPSON EB - X51	Cái	1	21.400.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
85	Loa treo tường Califonia	Cái	1	3.167.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
86	Loa treo tường Califonia	Cái	1	3.167.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
87	Loa treo tường California	Cái	1	3.167.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
88	Bộ tăng âm loa đài	Bộ	1	30.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
89	Bộ tăng âm loa đài	Bộ	1	8.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
90	Bộ tăng âm loa đài	Bộ	1	6.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
91	Bàn chữ U	Bàn	1	9.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
92	Quạt cây	Cái	1	500.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
93	Quạt treo tường	Cái	1	500.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
94	Phần mềm kế toán	Bộ	1	10.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
95	Bàn chữ U	Cái	1	9.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
96	Máy photocopy SHARP	Cái	1	20.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
97	Quạt cây	Cái	1	500.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
98	Bức tượng Bác	Cái	1	1.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
99	Bức phát biểu	Cái	1	1.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
100	Loa máy hội trường	Cái	1	8.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
101	Loa di động	Cái	1	5.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
102	Tủ lạnh SANYO (120l)	Cái	1	2.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
103	Bàn hội trường	Cái	1	1.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
104	Bàn hội trường	Cái	1	1.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
105	Bàn hội trường	Cái	1	1.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
106	Bàn hội trường	Cái	1	1.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
107	Ghế chủ tọa GH02	Cái	1	2.750.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
108	Ghế chủ tọa GH02	Cái	1	2.750.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
109	Ghế chủ tọa GH02	Cái	1	2.750.000		Trung tâm Chính trị	Trung tâm Chính trị

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						huyện Thọ Xuân	xã Thọ Xuân
110	Ghế chủ tọa GH02	Cái	1	2.750.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
111	Ghế chủ tọa GH02	Cái	1	2.750.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
112	Ghế chủ tọa GTH11	Cái	1	1.760.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
113	Ghế chủ tọa GTH11	Cái	1	1.760.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
114	Bàn họp	Cái	1	34.100.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
115	Bàn đại biểu	Cái	1	3.960.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
116	Bàn đại biểu	Cái	1	3.960.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
117	Bàn đại biểu	Cái	1	3.960.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
118	Bàn đại biểu	Cái	1	3.960.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
119	Bàn đại biểu	Cái	1	3.960.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
120	Bàn đại biểu	Cái	1	3.960.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
121	Bàn chủ tọa KT 1500x60	Cái	1	4.950.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
122	Bàn chủ tọa KT 1500x60	Cái	1	4.950.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
123	Bàn thư kí	Cái	1	17.600.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
124	Bục phát biểu	Cái	1	2.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
125	Bục tượng Bác	Cái	1	2.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
126	Hệ thống âm thanh	Hệ thống	1	74.040.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
127	Bục phát biểu	Cái	1	4.400.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
128	Bục tượng Bác	Cái	1	4.400.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
129	Hệ thống âm thanh	Hệ thống	1	56.540.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
130	Bình nước nóng	Cái	1	2.000.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
131	Quạt trần	Cái	1	500.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
132	Quạt trần	Cái	1	500.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
133	Quạt trần	Cái	1	500.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
134	Quạt trần	Cái	1	500.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
135	Quạt trần	Cái	1	500.000		Trung tâm Chính trị huyện Thọ Xuân	Trung tâm Chính trị xã Thọ Xuân
136	Giường gỗ	Cái	1	2.000.000		Trung tâm Chính trị	Trung tâm Chính trị

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						huyện Thọ Xuân	xã Thọ Xuân
IV	Tài sản giao cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân						
1	Máy vi tính	Cái	1	12.150.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
2	Máy vi tính	Cái	1	12.150.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
3	Máy vi tính	Cái	1	13.730.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
4	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
5	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
6	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
7	Máy vi tính	Cái	1	12.800.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
8	Máy vi tính	Cái	1	9.500.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
9	Máy vi tính	Cái	1	9.200.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
10	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
11	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
12	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
13	Ghế xoay	Cái	1	1.200.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
14	Ghế xoay	Cái	1	2.000.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						huyện Thọ Xuân	xã hội xã Thọ Xuân
15	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	1	800.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
16	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	1	800.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
17	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	1	800.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
18	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	1	800.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
19	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	1	800.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
20	Kệ đựng sách báo Hội	Cái	1	2.000.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
21	Bộ bàn tiếp khách	Bộ	1	8.000.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
22	Bộ bàn tiếp khách	Bộ	1	2.500.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
23	Bộ bàn tiếp khách	Bộ	1	2.500.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
24	Máy điều hòa Panasonic 10000BTU	Bộ	1	8.500.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
25	Máy điều hòa Media 12000BTU	Bộ	1	4.000.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
26	Máy điều hòa Media 12000BTU	Bộ	1	4.000.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
27	Máy vi tính	Bộ	1	13.750.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
28	Máy vi tính	Bộ	1	8.000.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
29	Máy tính để bàn	Bộ	1	10.000.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân
30	Điều hòa Daikin	Bộ	1	12.260.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã Thọ Xuân

Phụ lục V
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO CHO XÃ CÁC SƠN
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho Đảng ủy xã Các Sơn							
1	Bộ bàn ghế gỗ làm việc	Bộ	2020	1	5.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy xã Các Sơn
2	Bộ bàn ghế gỗ tiếp khách	Bộ	2021	1	7.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy xã Các Sơn
3	Tủ đựng tài liệu làm việc	Cái	2020	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy xã Các Sơn
4	Cây nước nóng lạnh	Cái	2020	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy xã Các Sơn
5	Quạt cây	Cái	2020	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy xã Các Sơn
6	Điều hòa Funiki 9000BTU	Cái	2022	1	6.500.000		UBND xã Thanh Sơn	Đảng ủy xã Các Sơn
7	Bàn làm việc	Cái	2017	1	1.500.000		UBND xã Thanh Sơn	Đảng ủy xã Các Sơn
II	Tài sản giao cho UBND xã Các Sơn							
1	Máy tính để bàn	Bộ	2.024	1	14.950.000	11.960.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
2	Bộ máy tính để bàn	Bộ	2.024	1	14.950.000	11.960.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
3	Máy tính để bàn	Bộ	2017	1	12.995.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
4	Bộ máy tính để bàn	Bộ	2021	1	13.250.000	2.650.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
5	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	2020	1	7.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
6	Máy in	Cái	2020	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
7	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	2020	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
8	Máy in	Cái	2020	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
9	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	2020	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
10	Bộ Bàn ghế tiếp khách	Bộ	2020	1	7.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
11	Máy in	Cái	2020	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
12	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	2020	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
13	Máy in	Cái	2020	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
14	Tủ tài liệu	Cái	2019	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
15	Tủ tài liệu	Cái	2019	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
16	Tủ tài liệu	Cái	2019	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
17	Tủ tài liệu	Cái	2019	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
18	Tủ sắt HP đựng tài liệu	Cái	2019	1	3.100.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
19	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	2021	1	2.500.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
20	Bộ máy vi tính	Bộ	2023	1	14.900.000	8.900.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
21	Bàn làm việc	Cái	2020	1	2.000.000		Đội kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
22	Tủ tài liệu	Cái	2020	1	4.000.000		Đội kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
23	Tủ tài liệu	Cái	2020	1	4.000.000		Đội kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
24	Tủ tài liệu	Cái	2020	1	4.000.000		Đội kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
25	Tủ tài liệu	Cái	2020	1	4.000.000		Đội kiểm tra quy tắc xây	UBND xã Các Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
							dựng thị xã Nghi Sơn	
26	Tủ tài liệu	Cái	2020	1	4.000.000		Đội kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
27	Tủ tài liệu	Cái	2020	1	4.000.000		Đội kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
28	Bàn làm việc	Cái	2020	1	2.000.000		Đội kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND xã Các Sơn
29	Tivi 65 inch	Cái	2023	1	14.500.000	8.700.000	UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
30	Bàn quầy bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Bộ	2023	1	30.000.000	18.000.000	UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
31	Máy scan	Cái	2024	1	7.500.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
32	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
33	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
34	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
35	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
36	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
37	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
38	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
39	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
40	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
41	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
42	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
43	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
44	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
45	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
46	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
47	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
48	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
49	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
50	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
51	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
52	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
53	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
54	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
55	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
56	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
57	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
58	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
59	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
60	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
61	Ghế gỗ hội trường	Cái	2023	1	2.950.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
62	Bàn Hội Trường	Cái	2023	1	8.500.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
63	Bàn Hội Trường	Cái	2023	1	8.500.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
64	Bàn Hội Trường	Cái	2023	1	8.500.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
65	Bàn Hội Trường	Cái	2023	1	8.500.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
66	Bàn làm việc	Cái	2017	1	1.500.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn
67	Điều hòa Funiki 9000BTU	Cái	2022	1	6.500.000		UBND xã Thanh Sơn	UBND xã Các Sơn

Phụ lục VI
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO CHO XÃ CÔNG CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho UBND xã Công Chính						
1	Máy vi tính FPT ELEAD TK10400HT	Bộ	1	14.950.000	8.970.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Công Chính
II	Tài sản Đảng ủy xã Công Chính						
1	Máy vi tính để bàn, máy in	Bộ	1			Văn phòng Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Công Chính

Phụ lục VII
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO CHO PHƯỜNG ĐÀO DUY TỪ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho UBND phường Đào Duy Từ						
A	Xe ô tô						
1	Xe ô tô, biên kiểm soát: 36A-003.33	Cái	1	1.385.000.000	276.446.000	Thị ủy Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
B	Máy móc thiết bị						
1	Máy tính bảng Apple iPad 2020	Cái	1	17.990.000	3.598.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
2	Bộ Máy tính để bàn	Bộ	1	13.250.000	5.300.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
3	Bộ Máy tính để bàn	Bộ	1	13.223.500	5.289.400	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
4	Bộ Máy tính để bàn	Bộ	1	13.250.000	5.300.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
5	Bộ Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	11.960.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
6	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	11.500.000	9.200.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
7	Máy tính bảng Apple iPad 2020	Cái	1	17.990.000	3.598.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
8	Máy tính	Bộ	1	13.500.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
9	Máy tính	Bộ	1	13.500.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
							Đào Duy Từ
10	Bộ Máy tính để bàn	Bộ	1	13.500.000	5.400.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
11	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	11.960.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
13	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	11.960.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
14	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	13.710.000	10.968.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
15	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	13.822.300	5.528.920	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
16	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.500.000	8.100.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
17	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.250.000	2.650.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
18	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	13.822.300	5.528.920	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
19	Máy photocopy	Bộ	1	49.401.000	39.520.800	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
20	Máy scan tài liệu	Bộ	1	10.247.000	4.098.800	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
21	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.250.000	3.000.000	HĐND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
32	Hệ thống Loa hội trường	Hệ thống	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
34	Máy tính để bàn	Bộ	1			UBND xã Hải Nhân	UBND phường Đào Duy Từ

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
35	Máy tính để bàn	Bộ	1			UBND phường Trúc Lâm	UBND phường Đào Duy Từ
36	Máy tính để bàn	Bộ	1			UBND phường Bình Minh	UBND phường Đào Duy Từ
37	Máy tính để bàn	Bộ	1			Thị ủy Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
C	Công cụ dụng cụ						
1	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	3.500.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
2	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	3.500.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
3	Máy in	Cái	1	2.990.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
4	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
5	Máy in	Cái	1	2.990.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
6	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
7	Máy in	Cái	1	2.990.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
8	Bộ bàn, ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
9	Máy in	Cái	1	2.990.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
10	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
11	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
12	Ghế xoay	Cái	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
13	Máy in	Cái	1	2.990.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
14	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
15	Máy in	Cái	1	2.990.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
16	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
17	Máy in	Cái	1	2.990.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
18	Bộ bàn, ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
19	Máy in	Cái	1	2.990.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
20	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
21	Máy in	Cái	1	2.990.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
22	Máy in	Cái	1	2.990.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
23	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
24	Máy in	Cái	1	2.990.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
							Đào Duy Từ
25	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
26	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
27	Máy in	Cái	1	2.990.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
28	Máy in	Cái	1	2.990.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
29	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
30	Máy in	Cái	1	2.990.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
31	Bộ bàn ghế gỗ làm việc	Bộ	1	6.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
32	Bộ bàn ghế gỗ tiếp khách	Bộ	1	7.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
33	Tủ gỗ đựng tài liệu	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
34	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
35	Máy in	Cái	1	4.000.000		HĐND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
36	Tủ tài liệu	Cái	1	4.000.000		HĐND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
37	Bàn làm việc	Cái	1	2.000.000		HĐND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
38	Máy in	Cái	1			Thị ủy Nghi Sơn	UBND phường Đào Duy Từ
39	Máy điều hòa	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
40	Máy điều hòa	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
41	Máy điều hòa	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
42	Máy điều hòa	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
43	Máy điều hòa	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
44	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
45	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
46	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
47	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
48	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
49	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
50	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
51	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
							Đào Duy Từ
52	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
53	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
54	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
55	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
56	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
57	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
58	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
59	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
60	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
61	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
62	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
63	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
64	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
65	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
66	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
67	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
68	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
69	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
70	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
71	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
72	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
73	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
74	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
75	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
76	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
77	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
78	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
							Đào Duy Từ
79	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
80	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
81	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
82	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
83	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
84	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
85	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
86	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
87	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
88	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
89	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
90	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
91	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
92	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
93	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
94	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
95	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
96	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
97	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
98	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
99	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
100	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
101	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
102	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
103	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
104	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
105	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
							Đào Duy Từ
106	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
107	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
108	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
109	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
110	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
111	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
112	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
113	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
114	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
115	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
116	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
117	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
118	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
119	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
120	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
121	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
122	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
123	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
124	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
125	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
126	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
127	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
128	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
129	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
130	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
131	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
132	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
							Đào Duy Từ
133	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
134	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
135	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
136	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
137	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
138	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
139	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
140	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
141	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
142	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
143	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
144	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
145	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
146	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
147	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
148	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
149	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
150	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
151	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
152	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
153	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
154	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
155	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
156	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
157	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
158	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
159	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
							Đào Duy Từ
160	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
161	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
162	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
163	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
164	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
165	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
166	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
167	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
168	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
169	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
170	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
171	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
172	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
173	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
174	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
175	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
176	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
177	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
178	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
179	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
180	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
181	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
182	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
183	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
184	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
185	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
186	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
							Đào Duy Từ
187	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
188	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
189	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
190	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
191	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
192	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
193	Ghế gỗ đơn (hội trường)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
194	Bàn gỗ lim hội nghị (dài)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
195	Bàn gỗ lim hội nghị (dài)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
196	Bàn gỗ lim hội nghị (dài)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
197	Bàn gỗ lim hội nghị (dài)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
198	Bàn gỗ lim hội nghị (dài)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
199	Bàn gỗ lim hội nghị (dài)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
200	Bàn gỗ lim hội nghị (dài)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
201	Bàn gỗ lim hội nghị (dài)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
202	Bàn gỗ lim hội nghị (dài)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
203	Bàn gỗ lim hội nghị (dài)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
204	Bàn gỗ lim hội nghị (dài)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
205	Bàn gỗ lim hội nghị (dài)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
206	Bàn gỗ lim hội nghị (dài)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
207	Bàn gỗ lim hội nghị (dài)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
208	Bàn gỗ lim hội nghị (ngắn)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
209	Bàn gỗ (màu vàng)	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
210	Bục gỗ, tượng Bác Hồ (Thạch cao, sơn vàng)	Bộ	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
211	Ti vi	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Đào Duy Từ
212	Máy in	Cái	1			UBND phường Bình Minh	UBND phường Đào Duy Từ
213	Bàn ghế làm việc	Bộ	1			UBND phường Bình Minh	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
							Đào Duy Từ
214	Tủ tài liệu	Cái	1			UBND phường Bình Minh	UBND phường Đào Duy Từ
215	Máy in	Cái	1	2.800.000		UBND xã Hải Nhân	UBND phường Đào Duy Từ
216	Bàn ghế làm việc	Bộ	1	1.700.000		UBND xã Hải Nhân	UBND phường Đào Duy Từ
217	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.450.000		UBND xã Hải Nhân	UBND phường Đào Duy Từ
218	Tủ tài liệu	Cái	1	1.950.000		UBND xã Hải Nhân	UBND phường Đào Duy Từ
219	Máy in	Cái	1			UBND phường Trúc Lâm	UBND phường Đào Duy Từ
220	Bàn ghế làm việc	Bộ	1			UBND phường Trúc Lâm	UBND phường Đào Duy Từ
221	Tủ đựng tài liệu	Cái	1			UBND phường Trúc Lâm	UBND phường Đào Duy Từ
222	Tủ đựng tài liệu	Cái	1			UBND phường Trúc Lâm	UBND phường Đào Duy Từ
223	Bộ bàn ghế nhà ăn (bàn gỗ, ghế băng)	Bộ	1			UBND phường Trúc Lâm	UBND phường Đào Duy Từ
II	Tài sản giao cho Đảng ủy phường Đào Duy Từ						
1	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	11.960.000	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
2	Máy tính bảng Apple iPad 2020	Cái	1	17.990.000	3.598.000	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
3	Bộ Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	11.960.000	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
4	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	11.960.000	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
5	Máy in	Cái	1	3.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
6	Bộ bàn ghế gỗ làm việc	Bộ	1	7.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
7	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	3.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
8	Quạt cây	Cái	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
9	Máy in	Cái	1	2.990.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
10	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
11	Máy in	Cái	1	2.990.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
12	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
13	Máy tính để bàn	Bộ	1			Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
14	Máy tính để bàn	Bộ	1			Đoàn Thanh niên thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
15	Máy tính bảng Apple Ipad 2020	Cái	1			Đoàn Thanh niên thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
16	Máy tính để bàn	Bộ	1			Ủy ban Mặt trận	Đảng ủy phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Tổ quốc Việt Nam thị xã Nghi Sơn	Đào Duy Từ
17	Máy tính để bàn	Bộ	1			Hội Liên hiệp phụ nữ thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
18	Máy tính để bàn	Bộ	1			UBND phường Hải Hòa	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
19	Máy tính để bàn	Bộ	1			UBND phường Hải Hòa	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
20	Máy in	Cái	1			Đoàn Thanh niên thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
21	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1			Đoàn Thanh niên thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
22	Bàn ghế làm việc	Bộ	1			Đoàn Thanh niên thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
23	Tủ tài liệu	Cái	1			Đoàn Thanh niên thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
24	Bộ bàn ghế phòng họp	Bộ	1			Đoàn Thanh niên thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
25	Bàn máy tính	Cái	1			Đoàn Thanh niên thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
26	Máy in	Cái	1			Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
27	Bàn ghế làm việc	Bộ	1			Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
28	Máy in	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
29	Máy in	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	Đảng ủy phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
							Đào Duy Từ
30	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1			UBND phường Hải Hòa	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
31	Bàn ghế làm việc	Bộ	1			UBND phường Hải Hòa	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
32	Tủ tài liệu	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	Đảng ủy phường Đào Duy Từ
III	Tài sản giao cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đào Duy Từ						
1	Máy tính để bàn	Bộ	1			UBND phường Bình Minh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đào Duy Từ
2	Máy tính bảng Apple iPad 2020	Cái	1			Hội Liên hiệp phụ nữ thị xã Nghi Sơn	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đào Duy Từ
3	Máy tính để bàn	Bộ	1			Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã Nghi Sơn	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đào Duy Từ
4	Máy tính để bàn	Bộ	1			Hội Nông dân thị xã Nghi Sơn	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đào Duy Từ
5	Máy tính để bàn	Bộ	1			UBND xã Định Hải	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đào Duy Từ
6	Máy in	Cái	1			Hội Nông dân thị xã Nghi Sơn	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đào Duy Từ
7	Bàn ghế làm việc	Bộ	1			Hội Nông dân	Ủy ban Mặt trận

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						thị xã Nghi Sơn	Tổ quốc Việt Nam phường Đào Duy Từ
8	Máy in	Cái	1			UBND xã Định Hải	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
9	Máy in	Cái	1			Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã Nghi Sơn	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
10	Bàn ghế làm việc	Bộ	1			Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã Nghi Sơn	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
11	Tủ tài liệu	Cái	1			Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã Nghi Sơn	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
12	Máy in	Cái	1			UBND phường Bình Minh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
13	Bàn ghế làm việc	Bộ	1			UBND phường Bình Minh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
14	Tủ tài liệu	Cái	1			UBND phường Bình Minh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
IV	Tài sản giao cho Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường Đào Duy Từ						
1	Máy in	Cái	1	2.990.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường Đào Duy Từ
2	Bộ bàn, ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường Đào Duy Từ
3	Bộ Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	11.960.000	UBND thị xã Nghi Sơn	Trung tâm cung ứng

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
							dịch vụ công phường Đào Duy Từ
4	Máy tính để bàn	Bộ	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường Đào Duy Từ
5	Máy tính để bàn	Bộ	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường Đào Duy Từ
6	Bàn ghế làm việc	Bộ	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường Đào Duy Từ
7	Tủ tài liệu	Cái	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường Đào Duy Từ

Phụ lục VIII
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO CHO PHƯỜNG ĐÔNG QUANG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho Đảng ủy phường Đông Quang						
A	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Bộ máy tính làm việc số 01		1			Văn phòng Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Đông Quang
2	Bộ máy tính làm việc số 02		1			Văn phòng Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Đông Quang
3	Bộ máy tính làm việc số 03		1			Văn phòng Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Đông Quang
4	Bộ máy tính làm việc số 04		1			Văn phòng Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Đông Quang
5	Bộ máy tính làm việc số 05		1			Văn phòng Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Đông Quang
II	Tài sản giao cho UBND phường Đông Quang						
A	Đất, nhà						
1	Đất nhà văn hóa phố Vệ Yên 4	m ²	461,3			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
1.1	Nhà văn hóa phố Vệ Yên 4	m ²	159			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
2	Đất nhà văn hóa Trần Hưng 2	m ²	304			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
2.1	Nhà văn hóa Trần Hưng 2	m ²	77			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
3	Đất nhà văn hóa Trung Sơn	m ²	110			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
3.1	Nhà văn hóa phố Trung Sơn	m ²	85			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
4	Đất nhà văn hóa Sơn Toàn 2	m ²	459			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
4.1	Nhà văn hóa Sơn Toàn 2	m ²	80			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
5	Đất Nhà trẻ Phù Lưu	m ²	186			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
5.1	Nhà trẻ Phù Lưu	m ²	90			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
6	Đất Trụ sở UBND phường An Hoạch	m ²	4729			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
6.1	Nhà Trụ sở UBND phường An Hoạch	m ²	800			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
7	Đất Trường mầm non Đông Hưng	m ²	1921			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
7.1	Nhà Trường mầm non Đông Hưng	m ²	2003			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
8	Đất Trụ sở Công an xã Đông Vinh	m ²	2516			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
8.1	Nhà Trụ sở Công an xã Đông Vinh	m ²	198			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
B	Xe ô tô						
1	Xe ô tô Toyota Altis, biển kiểm soát: 36A-003.90	Cái	1	796.510.000	265.503.333	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
2	Xe ô tô Ford, biển kiểm soát: 36B-1988	Cái	1	657.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
C	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
2	Máy tính bảng	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
3	Bộ bàn ghế tiếp khách số 1	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
4	Bộ bàn ghế tiếp khách số 2	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
5	Bộ máy tính để bàn số 1	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
6	Bộ máy tính để bàn số 2	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
7	Bộ máy tính để bàn số 3	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
8	Bộ máy tính để bàn số 4	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
9	Bộ máy tính để bàn số 5	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
10	Bộ máy tính để bàn số 6	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
11	Máy in số 1	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
12	Máy in số 2	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
13	Máy in số 3	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
14	Máy in số 4	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
15	Máy in số 5	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
16	Máy in số 6	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
17	Máy in số 7	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
18	Tủ, kệ tài liệu số 1	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
19	Tủ, kệ tài liệu số 2	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
20	Tủ, kệ tài liệu số 3	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
21	Tủ, kệ tài liệu số 4	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
22	Tủ, kệ tài liệu số 5	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
23	Tủ, kệ tài liệu số 6	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
24	Tủ, kệ tài liệu số 7	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
25	Giá tài liệu số 1	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Quang
26	Giá tài liệu số 2	Cái	1			UBND thành phố	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Thanh Hóa	Đồng Quang
27	Giá tài liệu số 3	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đồng Quang
III	Tài sản giao cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đồng Quang						
1	Bộ máy tính làm việc	Bộ	1			Liên đoàn Lao động thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đồng Quang
2	Bộ máy tính làm việc	Bộ	1			Thành đoàn TP Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đồng Quang
3	Máy in	Cái	1			Thành đoàn TP Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đồng Quang
IV	Tài sản giao cho Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường Đồng Quang						
1	Bộ máy quay phim XDCAM: HXR-NX100	Cái	1	90.000.000	36.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường Đồng Quang
2	Bộ máy tính làm việc số 1	Bộ	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường Đồng Quang
3	Bộ máy tính làm việc số 2	Bộ	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường Đồng Quang
4	Bàn ghế làm việc số 1	Bộ	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao	Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Đông Quang
5	Bàn ghế làm việc số 2	Bộ	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường Đông Quang
6	Bàn ghế làm việc số 3	Bộ	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường Đông Quang
7	Tủ tài liệu	Cái	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường Đông Quang
8	Ổ lưu	Bộ	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường Đông Quang
9	Máy in	Cái	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thành phố Thanh Hóa	Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường Đông Quang

Phụ lục IX
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO CHO XÃ LAM SƠN
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Lam Sơn						
1	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Lam Sơn
2	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND huyện Thọ Xuân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Lam Sơn
II	Tài sản giao cho Đảng ủy xã Lam Sơn						
1	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND huyện Thọ Xuân	Đảng ủy xã Lam Sơn
III	Tài sản giao cho UBND xã Lam Sơn						
1	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Lam Sơn
2	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Lam Sơn
3	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Lam Sơn
4	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Lam Sơn
5	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Lam Sơn
6	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	8.970.000	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Lam Sơn
7	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	8.970.000	UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Lam Sơn
8	Máy in 2900	Cái	1	3.000.000		UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Lam Sơn
9	Máy in	Cái	1	3.050.000		UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Lam Sơn
10	Bàn làm việc Đài Loan	Cái	1	1.275.000		UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Lam Sơn
11	Ghế xoay trường phòng	Cái	1	2.025.000		UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Lam Sơn

Phụ lục X
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO CHO PHƯỜNG NGHI SƠN
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho UBND phường Nghi Sơn						
1	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.970.000	5.988.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
2	Máy tính để bàn	Bộ	1	15.000.000	9.000.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
3	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.500.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
4	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.710.000	10.986.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
5	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.500.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
6	Máy in màu	Cái	1	10.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
7	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
8	Máy in	Bộ	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
9	Máy in	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
10	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
11	Máy in	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
12	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
13	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
14	Máy in	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
15	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
16	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	6.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
17	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
18	Máy scan	Cái	1	9.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
19	Máy tính xách tay	Cái	1	15.000.000		UBND xã Tùng Lâm	UBND phường Nghi Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
20	Máy in	Cái	1	3.450.000		UBND xã Tùng Lâm	UBND phường Nghi Sơn
21	Máy tính xách tay	Cái	1	14.980.000	11.984.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
22	Bàn làm việc	Cái	1	5.000.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
23	Ghế làm việc	Cái	1			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
24	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	6.804.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND phường Nghi Sơn
II	Tài sản giao cho Đảng ủy phường Nghi Sơn						
1	Bộ bàn ghế gỗ làm việc	Bộ	1	7.000.000		Thị ủy thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Nghi Sơn
2	Bộ bàn ghế gỗ tiếp khách	Bộ	1	10.000.000		Thị ủy thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Nghi Sơn
3	Tủ đựng tài liệu làm việc	Cái	1	1.750.000		Thị ủy thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Nghi Sơn
4	Tủ đựng tài liệu làm việc	Cái	1	1.750.000		Thị ủy thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Nghi Sơn
5	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	3.500.000		Thị ủy thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Nghi Sơn
6	Bộ máy tính để bàn (kèm lưu điện)	Bộ	1	13.000.000	2.300.000	Thị ủy thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Nghi Sơn
7	Máy in	Cái	1	4.200.000		Thị ủy thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Nghi Sơn
8	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	3.500.000		Thị ủy thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Nghi Sơn

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
9	Bộ máy tính để bàn (kèm lưu điện)	Bộ	1	13.000.000	2.300.000	Thị ủy thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Nghi Sơn
10	Máy in	Cái	1	3.900.000		Thị ủy thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Nghi Sơn
11	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	10.900.000	4.360.000	UBND phường Mai Lâm	Đảng ủy phường Nghi Sơn
12	Máy in	Cái	1	2.800.000		UBND phường Mai Lâm	Đảng ủy phường Nghi Sơn
13	Bàn làm việc	Cái	1	600.000		UBND phường Mai Lâm	Đảng ủy phường Nghi Sơn
14	Bàn máy vi tính	Cái	1	600.000		UBND phường Mai Lâm	Đảng ủy phường Nghi Sơn
15	Ghế xoay làm việc	Cái	1	600.000		UBND phường Mai Lâm	Đảng ủy phường Nghi Sơn

Phụ lục XI
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO CHO PHƯỜNG NGỌC SƠN
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho UBND phường Ngọc Sơn							
A	Xe ô tô							
1	Xe ô tô 07 chỗ Fotuner, biển kiểm soát: 36B-2736	Cái	2010	1	1.200.000.000	80.000.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Ngọc Sơn
B	Máy móc, thiết bị							
1	Máy tính bảng Apple iPad 2020	Bộ	2021	1	17.990.000	3.598.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Ngọc Sơn
2	Máy vi tính để bàn	Bộ	2017	1	12.995.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Ngọc Sơn
3	Máy vi tính để bàn	Bộ	2022	1	13.500.000	5.400.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Ngọc Sơn
4	Máy vi tính để bàn	Bộ	2024	1	14.950.000	11.960.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Ngọc Sơn
5	Bộ Máy tính để bàn	Bộ	2024	1	14.950.000	11.960.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Ngọc Sơn
6	Máy tính xách tay	Bộ	2021	1	13.250.000	2.650.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Ngọc Sơn
7	Máy vi tính để bàn	Bộ	2022	1	13.500.000	5.400.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Ngọc Sơn
8	Máy vi tính để bàn	Bộ	2024	1	13.250.000	10.600.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Ngọc Sơn

Phụ lục XII
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO PHƯỜNG TÂN DÂN
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho Đảng ủy phường Tân Dân						
A	Xe ô tô						
1	Xe Toyota Corolla Altis 1,8V, biển kiểm soát: 36A-015.44	Cái	1	793.000.000		Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
B	Máy móc, thiết bị						
1	Bộ Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000		Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
2	Máy tính xách tay	Cái	1			Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
3	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000		Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
4	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
5	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
6	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
7	Bộ bàn ghế gỗ làm việc	Bộ	1			Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
8	Bộ bàn ghế gỗ tiếp khách	Bộ	1			Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
9	Tủ đựng tài liệu làm việc	Cái	1	4.000.000		Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
10	Tủ đựng tài liệu làm việc	Cái	1	4.000.000		Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
11	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1			Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
12	Máy in	Cái	1	4.000.000		Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
13	Bộ bàn ghế gỗ làm việc	Bộ	1			Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
14	Bộ bàn ghế gỗ tiếp khách	Bộ	1			Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
15	Tủ đựng tài liệu làm việc	Cái	1	4.000.000		Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
16	Tủ đựng tài liệu làm việc	Cái	1	4.000.000		Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
17	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1			Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
18	Máy in	Cái	1	4.000.000		Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
19	Máy in	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
20	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
21	Máy in	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
22	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
23	Máy in	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
24	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
25	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	12.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tân Dân
II	Tài sản giao cho UBND phường Tân Dân						
A	Máy móc, thiết bị						
1	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000		UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
2	Máy tính bảng Apple iPad 2020	Cái	1	17.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
3	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
4	Máy tính bảng Apple Ipad 2020	Cái	1	17.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
5	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
6	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
7	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000		Đội Kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
8	Bộ máy vi tính	Bộ	1	13.000.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
9	Tivi, kệ	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
10	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
11	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
12	Máy in	Cái	1	4.000.000		UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
13	Tủ đựng tài liệu làm việc	Cái	1	4.000.000		UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
14	Tủ lạnh	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
15	Máy (cây) nước nóng lạnh	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
16	Điều hòa	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
17	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
18	Máy in	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
19	Máy in	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
20	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
21	Máy in	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
22	Bàn máy tính	Cái	1			Đội Kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
23	Ghế ngồi làm việc máy tính	Cái	1			Đội Kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
24	Ghế ngồi làm việc máy tính	Cái	1			Đội Kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
25	Máy in	Cái	1			Đội Kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
26	Bàn máy tính	Bộ	1			Đội Kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
27	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và	UBND phường Tân Dân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Du lịch thị xã Nghi Sơn	
28	Tủ sắt HP đựng tài liệu	Cái	1	4.000.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
29	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
30	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
31	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
32	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
33	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
34	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
35	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
36	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
37	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
38	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
39	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
40	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
41	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
42	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
43	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
44	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
45	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
46	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
47	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
48	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
49	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
50	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
51	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
52	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
53	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
54	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
55	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
56	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
57	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
58	Ghế gỗ hội trường	Cái	1			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tân Dân
59	Bàn ghế tiếp khách	Cái	1	12.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
60	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
61	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
62	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
63	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
64	Máy in	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
65	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
66	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
67	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân
68	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tân Dân

Phụ lục XIII
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO XÃ THĂNG BÌNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho Đảng ủy xã Thăng Bình						
A	Máy móc, thiết bị						
1	Máy tính	Bộ	1			UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thăng Bình
2	Máy in	Cái	1			UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thăng Bình
3	Máy tính	Bộ	1			UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thăng Bình
4	Máy in	Cái	1			UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thăng Bình
5	Máy tính FPT ELEAD TK10400HT	Bộ	1	14.950.000	8.970.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thăng Bình
6	Tủ để tài liệu	Cái	1			UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thăng Bình
7	Bộ bàn ghế uống nước	Bộ	1			UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thăng Bình
8	Bộ bàn ghế uống nước	Bộ	1			UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thăng Bình

Phụ lục XIV
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO PHƯỜNG TRÚC LÂM
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho Đảng ủy phường Trúc Lâm						
A	Máy móc, thiết bị						
1	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	11.960.000	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
2	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	13.250.000	2.650.000	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
3	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	11.960.000	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
4	Máy tính để bàn	Bộ	1	15.000.000	3.000.000	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
5	Máy tính để bàn	Bộ	1	11.000.000	2.200.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
6	Máy tính để bàn	Bộ	1	11.000.000	2.200.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
7	Máy in	Cái	1	4.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
8	Bộ bàn, ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
9	Máy in	Cái	1	4.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
10	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	5.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
11	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
12	Bàn máy tính	Cái	1	1.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
13	Máy in	Cái	1	4.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
14	Máy hủy tài liệu	Cái	1	4.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
15	Tủ tài liệu	Cái	1	3.500.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
16	Cây lọc nước	Cái	1	3.500.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
17	Kệ tủ	Cái	1	500.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
18	Máy in	Cái	1	4.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
19	Máy in	Cái	1	4.200.000	0	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
20	Máy in	Cái	1	3.900.000	0	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
21	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	3.500.000	0	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
22	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	3.500.000	0	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Trúc Lâm
II	Tài sản giao cho UBND phường Trúc Lâm						
A	Máy móc, thiết bị						
1	Máy tính bảng iPad	Cái	1	17.990.000	3.598.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Trúc Lâm
2	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	14.500.000	8.700.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Trúc Lâm
3	Bộ Máy tính để bàn	Bộ	1	13.250.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Trúc Lâm
4	Máy tính để bàn	Bộ	1	15.000.000	11.960.000	UBND Phường Xuân Lâm	UBND phường Trúc Lâm
5	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.250.000	0	UBND Phường Hải Hòa	UBND phường Trúc Lâm
6	Máy tính để bàn	Bộ	1	12.000.000	2.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Trúc Lâm
7	Máy tính để bàn	Bộ	1	10.000.000	500.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Trúc Lâm
8	Máy tính để bàn	Bộ	1		5.250.000	Đội Kiểm tra quy tắc thị xã Nghi Sơn	UBND phường Trúc Lâm
9	Máy in	Cái	1	4.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Trúc Lâm
10	Máy in	Cái	1	4.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Trúc Lâm
11	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Trúc Lâm
12	Máy in	Cái	1	4.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Trúc Lâm
13	Máy in	Cái	1	4.000.000	0	UBND Phường Xuân Lâm	UBND phường Trúc Lâm
14	Máy in	Bộ	1	4.000.000	0	UBND Phường Hải Hòa	UBND phường Trúc Lâm

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
15	Bộ bàn ghế máy vi tính	Cái	1	2.000.000	0	UBND Phường Hải Hòa	UBND phường Trúc Lâm
16	Máy in	Cái	1	1.900.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Trúc Lâm
17	Tủ đựng tài liệu làm việc	Cái	1	3.000.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Trúc Lâm

Phụ lục XV
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO PHƯỜNG ĐÔNG TIẾN
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho Đảng ủy phường Đông Tiến						
A	Xe ô tô						
1	Xe Mitsubishi, biển kiểm soát: 36B-001.68	Cái	1	644.222.600	0	Văn phòng Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Đông Tiến
B	Máy móc, thiết bị						
1	Máy tính để bàn	Bộ	1			UBND phường Hoằng Đại	Đảng ủy phường Đông Tiến
2	Máy in	Cái	1			UBND phường Hoằng Đại	Đảng ủy phường Đông Tiến
II	Tài sản giao cho UBND phường Đông Tiến						
A	Xe ô tô						
1	Xe ô tô, biển kiểm soát: 36A-000.09	Cái	1	768.300.000	5.086.146	Văn phòng HĐND và UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
B	Máy móc, thiết bị						
1	Tivi	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
2	Tivi	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
3	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
4	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
5	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
6	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
7	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
8	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
9	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
10	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
11	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
12	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
13	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
14	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
15	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
16	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
17	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
18	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
19	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
20	Điều hòa cây	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
21	Điều hòa cây	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
22	Điều hòa cây	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
23	Điều hòa cây	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
24	Điều hòa cây	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
25	Điều hòa cây	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
26	Điều hòa cây	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
27	Điều hòa cây	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
28	Máy tính bàn	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
29	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
30	Máy tính bàn	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
31	Máy tính bàn	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
32	Máy tính bàn	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
33	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
34	Máy tính sách tay	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
35	Máy scan A4	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
36	Máy tính+ Máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
37	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
38	Máy tính bàn	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
39	Máy tính bàn	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
40	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
41	Tủ sắt	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
42	Bộ bàn làm việc	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
43	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
44	Bộ bàn làm việc	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Đông Tiến
III	Tài sản giao cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đông Tiến						
1	Máy tính bàn	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đông Tiến
2	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đông Tiến
3	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đông Tiến
4	Bộ bàn làm việc	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
							Tổ quốc Việt Nam phường Đông Tiến
5	Máy iPad	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đông Tiến
6	Quạt cây	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đông Tiến

Phụ lục XVI
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO XÃ SAO VÀNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho UBND xã Sao Vàng						
A	Xe ô tô						
1	Xe Toyota Fortuner, biển kiểm soát: 36A-007.71	Cái	1	1.148.720.000	229.284.512	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Sao Vàng
B	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	8.970.000	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Sao Vàng
2	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	8.970.000	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Sao Vàng
3	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Sao Vàng
4	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Sao Vàng
5	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Sao Vàng
6	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	22.299.998	23.439.998	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Sao Vàng
7	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	22.299.998	23.439.998	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Sao Vàng
8	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	22.299.998	23.439.998	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Sao Vàng
9	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	22.299.998	23.439.998	Văn phòng HĐND và	UBND xã Sao Vàng

						UBND huyện Thọ Xuân	
10	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	22.299.998	23.439.998	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Sao Vàng
11	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	22.299.998	23.439.998	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Sao Vàng
12	Máy in	Cái	1	3.000.000		Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Sao Vàng
13	Máy in	Cái	1	3.000.000		Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Sao Vàng
14	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	14.000.000		Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Sao Vàng

Phụ lục XVII
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO XÃ XUÂN HÒA
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho UBND xã Xuân Hòa						
1	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	8.970.000	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
2	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	8.970.000	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
3	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	8.970.000	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
4	Máy tính để bàn	Cái	1	14.950.000	8.970.000	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
5	Máy tính để bàn	Cái	1	14.950.000	8.970.000	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
6	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
7	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
8	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
9	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
10	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
11	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
12	Máy tính bảng iPad Pro 11	Cái	1	29.299.998	23.439.998	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
13	Máy in HP	Cái	1	2.950.000		Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
14	Tủ sắt	Cái	1	1.050.000		Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
15	Bàn ghế tiếp khách	Cái	1	3.500.000		Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
16	Tủ sắt	Cái	1	1.050.000		Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
17	Bàn làm việc	Cái	1	337.500		Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
18	Ghế xoay trường phòng	Cái	1	502.500		Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
19	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
20	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
21	Ghế	Cái	1	502.500		Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
22	Máy in Canon	Cái	1	3.000.000		Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
23	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa
24	Máy in Canon 2900	Cái	1	3.000.000		Văn phòng HĐND và UBND huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Hòa

Phụ lục XVIII
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO XÃ TRƯỜNG LÂM
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho Đảng ủy xã Trường Lâm						
A	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Máy tính để bàn (kèm lưu điện)	Bộ	1	12.000.000	0	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy xã Trường Lâm
2	Máy tính để bàn	Cái	1	14.950.000	11.960.000	UBND Thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy xã Trường Lâm
3	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	5.980.000	UBND Phường Mai Lâm	Đảng ủy xã Trường Lâm
4	bộ máy tính để bàn	Bộ	1	19.928.387	0	UBND Phường Mai Lâm	Đảng ủy xã Trường Lâm
5	Bộ bàn, ghế làm việc Xuân Hòa	Bộ	1	3.000.000	0	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy xã Trường Lâm
6	Tủ đựng tài liệu làm việc	Cái	1	3.000.000	0	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy xã Trường Lâm
7	Bộ bàn, ghế máy vi tính	Bộ	1	1.250.000	0	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy xã Trường Lâm
8	Máy in	Cái	1	2.900.000	0	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy xã Trường Lâm
9	Bộ bàn, ghế gỗ tiếp khách	Bộ	1	5.000.000	0	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy xã Trường Lâm
10	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	5.000.000	1.250.000	UBND thị xã Nghi Sơn	Đảng ủy xã Trường Lâm
11	Máy in Canon LBP 2900	Cái	1	4.620.000	0	UBND phường Mai Lâm	Đảng ủy xã Trường Lâm
12	Ghế xoay Hòa Phát XM 05	Cái	1	4.600.000	0	UBND phường Mai Lâm	Đảng ủy xã Trường Lâm
13	Tủ gỗ PU	Cái	1	4.888.220	0	UBND phường Mai Lâm	Đảng ủy xã Trường Lâm
14	Bình thủy điện uống nước	Cái	1	1.084.000	0	UBND phường Mai Lâm	Đảng ủy xã Trường Lâm
15	Máy in Canon 2900	Cái	1	6.039.300	0	UBND phường Mai Lâm	Đảng ủy xã Trường Lâm
16	Ghế làm việc	Cái	1	1.867.825	0	UBND phường Mai Lâm	Đảng ủy xã Trường Lâm

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
II	Tài sản giao cho UBND xã Trường Lâm						
A	Xe ô tô						
1	Xe ô tô Ford Escape, biển kiểm soát 36B-1658	Cái	1	917.000.000	0	Thị ủy Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
B	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Máy tính bảng Apple iPad 2020	Bộ	1	17.990.000	3.598.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
2	Máy tính để bàn	Cái	1	13.250.000	2.650.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
3	Máy vi tính để bàn	Cái	1	13.250.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
4	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	13.250.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
5	Máy tính	Bộ	1	13.250.000	2.650.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
6	Máy tính để bàn	Cái	1	13.250.000	2.650.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
7	Máy vi tính để bàn	Cái	1	13.250.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
8	Máy tính để bàn	Bộ	1	15.000.000	3.000.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
9	Máy tính xách tay	Cái	1	12.000.000	9.680.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
10	Máy tính xách tay	Cái	1	15.000.000	0	UBND xã Tùng Lâm	UBND xã Trường Lâm
11	Máy điều hòa	Cái	1	7.000.000	0	Đội Kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
12	Máy điều hòa	Cái	1	7.000.000	0	Đội Kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
13	Máy điều hòa	Cái	1	7.000.000	0	Đội Kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
14	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	8.000.000	1.600.000	Đội Kiểm tra quy tắc	UBND xã Trường Lâm

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						xây dựng thị xã Nghi Sơn	
15	Ghế ngồi làm việc máy tính	Cái	1	200.000	0	Đội Kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
16	Máy in	Cái	1	2.900.000	0	Đội Kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
17	Bàn máy tính	Cái	1	1.500.000	0	Đội Kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
18	Máy in	Cái	1	2.900.000	0	Đội Kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
19	Bàn máy tính	Cái	1	1.500.000	0	Đội Kiểm tra quy tắc xây dựng thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
20	Máy điều hòa	Cái	1	8.000.000	0	UBND phường Hải Thanh	UBND xã Trường Lâm
21	Máy điều hòa	Cái	1	8.000.000	0	UBND phường Hải Thanh	UBND xã Trường Lâm
22	Máy điều hòa	Cái	1	8.000.000	0	UBND phường Hải Thanh	UBND xã Trường Lâm
23	Máy điều hòa	Cái	1	8.000.000	0	UBND phường Hải Thanh	UBND xã Trường Lâm
24	Máy điều hòa	Cái	1	8.000.000	0	UBND phường Hải Thanh	UBND xã Trường Lâm
25	Bàn làm việc	Bộ	1	4.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
26	Bàn máy tính	Bộ	1	2.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
27	Ghế xoay	Bộ	1	990.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
28	Máy in	Cái	1	4.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
29	Tủ gỗ	Cái	1	4.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
30	Tủ sắt	Cái	1	1.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
31	Cây nước nóng lạnh	Cái	1	2.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
32	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	7.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
33	Máy in	Cái	1	4.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
34	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
35	Máy in	Cái	1	4.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
36	Bộ bàn ghế máy vi tính	Cái	1	2.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
37	Máy in	Cái	1	4.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
38	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
39	Ghế xoay	Máy	1	1.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
40	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
41	Máy in	Cái	1	4.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
42	Máy in	Cái	1	4.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
43	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
44	Máy in Canon	Cái	1	4.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
45	Tủ tài liệu	Cái	1	3.500.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
46	Bàn ghế máy tính	Bộ	1	2.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
47	Máy in	Cái	1	3.200.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm
48	Máy tính để bàn	Cái	1	7.624.000	0	UBND xã Tùng Lâm	UBND xã Trường Lâm
49	Máy in	Cái	1	3.450.000	0	UBND xã Tùng Lâm	UBND xã Trường Lâm
50	Máy tính để bàn	Cái	1	7.624.000	0	UBND xã Tùng Lâm	UBND xã Trường Lâm
51	Máy in	Cái	1	3.450.000	0	UBND xã Tùng Lâm	UBND xã Trường Lâm
52	Ghế xoay	Cái	1	610.000	0	UBND xã Tùng Lâm	UBND xã Trường Lâm
53	Lưu điện	Cái	1	1.800.000	0	UBND xã Tùng Lâm	UBND xã Trường Lâm
III	Tài sản giao cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Trường Lâm						
1	Tượng Bác	Bộ	1	7.000.000	0	UBND Phường Hải Hòa	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
							Việt Nam xã Trường Lâm
2	Bục phát biểu	Bộ	1	1.200.000	0	UBND Phường Hải Hòa	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Trường Lâm
3	Tivi	Cái	1	21.480.000	14.316.420	UBND Phường Hải Hòa	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Trường Lâm
4	Bàn ghế phòng họp trực tuyến	Bộ	1	35.000.000	11.655.000	UBND Phường Hải Hòa	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Trường Lâm

Phụ lục XIX
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO XÃ THẮNG LỢI
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho UBND xã Thắng Lợi						
A	Xe ô tô						
1	Xe Toyota Innova, biên kiểm soát: 36A-008.09	Cái	1	720.000.000	138.708.000	Văn phòng Huyện ủy Nông Cống	UBND xã Thắng Lợi
B	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.950.000	8.970.000	Văn phòng HĐND và UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thắng Lợi
2	Máy tính để bàn	Bộ	1			Văn phòng HĐND và UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thắng Lợi
3	Máy tính để bàn	Bộ	1			Văn phòng HĐND và UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thắng Lợi
4	Máy tính Dell	Bộ	1			Văn phòng HĐND và UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thắng Lợi
5	Máy tính FPT ELEAD	Bộ	1			Văn phòng HĐND và UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thắng Lợi
6	Máy in	Cái	1			Văn phòng HĐND và UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thắng Lợi
7	Máy in	Cái	1			Văn phòng HĐND và UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thắng Lợi
8	Máy in	Cái	1	2.950.000	1.770.000	Văn phòng HĐND và UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thắng Lợi
9	Tủ để tài liệu	Cái	1			Văn phòng HĐND và	UBND xã Thắng Lợi

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						UBND huyện Nông Cống	
10	Tủ để tài liệu	Cái	1			Văn phòng HĐND và UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thắng Lợi
11	Tủ để tài liệu	Cái	1			Văn phòng HĐND và UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thắng Lợi
12	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	1			Văn phòng HĐND và UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thắng Lợi
13	Bộ bàn ghế uống nước	Bộ	1			Văn phòng HĐND và UBND huyện Nông Cống	UBND xã Thắng Lợi

Phụ lục XX
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO XÃ NÔNG CỐNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho Đảng ủy xã Nông Cống						
A	Đất, nhà						
1	Đất Trụ sở làm việc Huyện ủy Nông Cống	m ²	5.948	11.896.000	11.896.000	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
1.1	Nhà làm việc 3 tầng Huyện ủy Nông Cống	m ²	1.144	4.892.393.000	1.761.261.480	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
1.2	Nhà làm việc 2 tầng Huyện ủy Nông Cống	m ²	430,5	4.160.000.000	2.995.200.000	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
1.3	Nhà làm việc Thường trực Huyện ủy Nông Cống	m ²	630,47	4.750.000.000	2.850.000.000	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
1.4	Nhà trực bảo vệ	m ²	18	79.000.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
1.5	Nhà để xe CBNV	m ²	40	52.000.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
1.6	Nhà ăn	m ²	71	140.000.000	102.648.000	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
B	Phương tiện vận tải						
1	Xe ô tô Fortuner	Cái	1	1.215.000.000	879.598.000	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
2	Xe ô tô Mitsubishi	Cái	1	750.100.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
3	Xe ô tô Ford Laser	Cái	1	530.000.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
4	Xe ô tô Ford Focus	Cái	1	500.000.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
C	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	12.400.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
2	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	15.277.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
3	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	11.825.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
4	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	12.400.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
5	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	15.277.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
6	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	11.825.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
7	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	12.400.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
8	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	11.170.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
9	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	12.400.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
10	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	11.170.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
11	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	12.400.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
12	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	12.500.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
13	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	15.501.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
14	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	12.400.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
15	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	11.529.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
16	Điều hoà không khí 1,5 HP 12000BTU Mitsubishi	Bộ	1	13.556.250	6.778.125	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
17	Điều hoà không khí 1,5 HP 12000BTU Mitsubishi	Bộ	1	13.556.250	6.778.125	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
18	Điều hoà không khí 1,5 HP 12000BTU Mitsubishi	Bộ	1	13.556.250	6.778.125	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
19	Điều hoà không khí 1,5 HP 12000BTU Mitsubishi	Bộ	1	13.556.250	6.778.125	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
20	Điều hoà không khí 1,5 HP 12000BTU Mitsubishi	Bộ	1	13.556.250	6.778.125	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
21	Điều hoà không khí 1,5 HP 12000BTU Mitsubishi	Bộ	1	13.556.250	6.778.125	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
22	Điều hoà không khí 1,5 HP 12000BTU Mitsubishi	Bộ	1	13.556.250	6.778.125	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
23	Điều hoà không khí 1,5 HP 12000BTU Mishubisshi	Bộ	1	13.556.250	6.778.125	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
24	Điều hoà không khí 1,5 HP 12000BTU Mitsubishi	Bộ	1	13.556.250	6.778.125	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
25	Điều hoà không khí 2 HP 18000BTU Panasonic	Bộ	1	19.182.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
26	Điều hoà không khí 2 HP 18000BTU Panasonic	Bộ	1	19.182.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
27	Điều hoà không khí 2 HP 18000BTU Panasonic	Bộ	1	19.182.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
28	Điều hoà không khí 2 HP 18000BTU Panasonic	Bộ	1	19.182.000		Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
29	Điều hoà không khí tủ đứng Funiki phòng họp	Bộ	1	19.890.000	9.945.000	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
30	Điều hoà không khí tủ đứng Sumikura phòng họp	Bộ	1	21.200.000	10.600.000	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
31	Điều hoà Sumikura	Bộ	1	6.350.000	3.175.000	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
32	Điều hoà Sumikura	Bộ	1	6.350.000	3.175.000	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
33	Tivi so ny 55inch	Cái	1	13.000.000	6.500.000	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
D	Tài sản cố định khác						
1	Tivi Samsung 75 inch smat	Cái	1	13.500.000	6.750.000	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
2	Tivi Samsung 75 inch smat	Cái	1	13.500.000	6.750.000	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
3	Tivi Samsung 55 inch smat	Cái	1	8.500.000	4.250.000	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
4	Tivi Samsung 55 inch smat	Cái	1	8.500.000	4.250.000	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
5	Máy chiếu Sony DX 122	Cái	1	23.000.000	13.800.000	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
6	Máy phát điện	Cái	1	480.000.000	192.000.000	Huyện ủy Nông Cống	Đảng ủy xã Nông Cống
II	Tài sản giao cho UBND xã Nông Cống						
A	Đất, nhà						
1	Đất khuôn viên trụ sở làm việc chính	m ²	12.822,2	141.044.200.000	141.044.200.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
1.1	Nhà làm việc 3 tầng	m ²	814	5.396.091.000	1.510.905.480	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
1.2	Nhà Thường trực	m ²	246	886.000.000	212.640.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
1.3	Nhà khách 2 tầng	m ²	285	1.302.272.000	157.633.483	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
1.4	Nhà bếp	m ²	150	358.354.000		UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
1.5	Nhà ngói phía sau nhà 3 tầng (3 phòng)	m ²	127	110.000.000		UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
1.6	Nhà ngói phía sau nhà 3 tầng (10 phòng)	m ²	228	120.000.000		UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
1.7	Nhà bảo vệ	m ²	15	100.991.000	60.574.402	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
1.8	Nhà để máy phát điện	m ²	8	408.932.000	381.656.236	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
1.9	Trung tâm Hành chính công	m ²	223	3.747.811.000	2.848.336.360	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
1.10	Nhà Văn phòng ĐK QSDĐ	m ²	167	30.000.000		UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
1.11	Nhà để xe cơ quan	m ²	300	299.175.000		UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
1.12	Nhà để xe số 1	m ²	40	176.185.000	105.675.763	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
1.13	Nhà để xe số 2	m ²	40	302.418.000	181.390.316	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
1.14	Nhà để xe số 3	m ²	60	498.544.000	299.026.691	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
2	Đất khuôn viên Chi cục Thuế (cũ)	m ²	1.116,9	12.285.900.000	12.285.900.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
2.1	Tòa nhà Chi cục thuế cũ	m ²	960	1.885.462.000	398.214.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
2.2	Ga ra xe (Chi cục thuế cũ)	m ²	30	55.193.000		UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
2.3	Sân Trụ sở (Chi cục thuế cũ)	m ²	123,9	45.074.000		UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
B	Phương tiện vận tải						
1	Xe ô tô ISUZU, biển kiểm soát: 36B-1147	Cái	1	502.000.000		UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
2	Xe ô tô Mitsubishi, biển kiểm soát: 36A-00604	Cái	1	500.337.000		UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
C	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Máy photocopy Canon IR ADV	Cái	1	74.970.000	28.113.750	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
2	Máy photocopy MP RICOH DIGITAL 7502	Cái	1	49.000.000	42.875.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
3	Máy tính FPT ELEAD TK10400HT	Cái	1	14.950.000	8.970.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
4	Máy tính FPT ELEAD TK10400HT	Cái	1	14.950.000	8.970.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
5	Máy tính để bàn Samsung	Cái	1	11.900.000	9.520.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
6	Bộ bàn ghế tiếp khách (VP)	Cái	1	5.500.000	4.812.500	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
7	Điều hòa nhiệt độ Panasonic 9000 VP	Cái	1	11.500.000	4.312.500	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
8	Máy tính FPT ELEAD TK10400HT	Cái	1	14.950.000	8.970.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
9	Máy tính FPT ELEAD TK10400HT	Cái	1	14.950.000	8.970.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
10	Máy tính FPT ELEAD	Cái	1	14.950.000	8.970.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
	TK10400HT						
11	Máy tính FPT ELEAD TK10400HT	Cái	1	14.950.000	8.970.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
12	Máy tính FPT ELEAD TK10400HT	Cái	1	14.950.000	8.970.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
13	Điều hòa Panasonic inverter 12.000PU	Cái	1	17.400.000	13.050.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
14	Điều hòa 2 chiều Panasonic Inverter 12.000PU	Cái	1	20.400.000	15.300.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
15	Máy phát điện	Cái	1			UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
16	Điều hòa Panasonic 2 chiều 18000BTU Phòng ăn lớn cơ quan	Cái	1	22.000.000	16.500.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
17	Điều hòa Panasonic 2 chiều 18000btu Phòng ăn lớn cơ quan	Cái	1	22.000.000	16.500.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
18	Điều hòa Casper	Cái	1	8.800.000	7.700.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
19	Tủ inox đựng thức ăn	Cái	1	12.300.000	4.612.500	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
20	Micro cổ ngỗng (HT tầng 3)	Cái	1	180.500.000	108.300.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
21	Thiết bị hội nghị truyền hình VCS cầu chủ điều khiển trung tâm và bộ điều khiển trung tâm	Cái	1	70.500.000	52.875.000	UBND huyện Nông Cống	UBND xã Nông Cống
III	Tài sản giao cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Nông Cống						
A	Đất, nhà						
1	Đất trụ sở làm việc	m ²	2.682	23.602.480.000	23.602.480.000	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Việt Nam huyện Nông Cống	Việt Nam xã Nông Cống
1.1	Nhà làm việc khối đoàn thể	m ²	518	14.771.000.000	12.998.480.000	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Nông Cống	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Nông Cống
IV	Tài sản giao cho Trung tâm Chính trị xã Nông Cống						
A	Đất, nhà						
1	Đất Trụ sở Trung tâm Chính trị huyện Nông Cống	m ²	7.749	98.982.000.000	98.982.000.000	Trung tâm Chính trị huyện Nông Cống	Trung tâm Chính trị xã Nông Cống
1.1	Phòng họp 120 chỗ ngồi	m ²	245	842.000.000	774.640.000	Trung tâm Chính trị huyện Nông Cống	Trung tâm Chính trị xã Nông Cống
1.2	Phòng họp 80 chỗ ngồi	m ²	190	615.700.000	566.444.000	Trung tâm Chính trị huyện Nông Cống	Trung tâm Chính trị xã Nông Cống
1.3	Hội trường	m ²	648	8.613.320.000	7.924.254.400	Trung tâm Chính trị huyện Nông Cống	Trung tâm Chính trị xã Nông Cống
1.4	Nhà bảo vệ	m ²	19	180.000.000	155.988.000	Trung tâm Chính trị huyện Nông Cống	Trung tâm Chính trị xã Nông Cống
B	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Máy phát điện	Bộ	1	330.935.000	248.201.250	Trung tâm Chính trị huyện Nông Cống	Trung tâm Chính trị xã Nông Cống
2	Đường điện	Bộ	1	275.000.000	206.250.000	Trung tâm Chính trị huyện Nông Cống	Trung tâm Chính trị xã Nông Cống
3	Bàn ghế phòng họp thư viện	Bộ	1	26.650.000	17.031.250	Trung tâm Chính trị huyện Nông Cống	Trung tâm Chính trị xã Nông Cống
4	Bàn ghế hội trường	Bộ	1	128.426.000	96.319.500	Trung tâm Chính trị huyện Nông Cống	Trung tâm Chính trị xã Nông Cống
5	Màn led phục vụ giảng dạy	Bộ	1	827.871.000	827.871.000	Trung tâm Chính trị huyện Nông Cống	Trung tâm Chính trị xã Nông Cống

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
V	Tài sản giao cho Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống						
A	Đất, nhà						
1	Đất Trụ sở Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	m ²	17.122,2	188.342.000.000	188.342.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
1.1	Hội trường đa năng	m ²	2.025			Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
1.2	Nhà tập luyện thể thao, sân tennis	m ²	2.077	5.864.000.000	1.952.712.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
1.3	Nhà thư viện truyền thống, bể bơi	m ²	1.830	14.961.200.000	10.772.640.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
1.4	Nhà để máy phát điện	m ²	40	491.648.000	481.323.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
B	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Máy phát thanh FM 50W ăn ten lưu động	Cái	1	35.563.000	5.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
2	Máy phát thanh FM 100W	Cái	1	155.000.000	5.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
3	Máy phát thanh FM 200W	Cái	1	197.000.000	5.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
4	Máy phát thanh FM 500W	Cái	1	270.130.000	5.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
5	Tivi sam sung 75 inch	Cái	1	16.500.000	14.850.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
6	Máy phát điện	Cái	1	300.300.000	50.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
7	Bộ loa hội trường, âm thanh ánh sáng	Cái	1	412.641.000	5.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
8	Điều hòa cây Panasonic 42700BTU	Cái	1	37.650.000	5.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
9	Điều hòa cây Panasonic 42700BTU	Cái	1	37.650.000	5.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
10	Điều hòa cây Panasonic 42700BTU	Cái	1	37.650.000	5.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
11	Điều hòa cây Panasonic 42700BTU	Cái	1	37.650.000	5.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
12	Điều hòa cây Panasonic 42700BTU	Cái	1	37.650.000	5.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
13	Điều hòa cây Panasonic	Cái	1	37.650.000	5.000.000	Trung tâm Văn hóa,	Trung tâm Cung ứng dịch

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
	42700BTU					Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	vụ công xã Nông Cống
14	Điều hòa treo tường Panasonic 24000 BTU	Cái	1	19.500.000	2.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
15	Điều hòa treo tường Panasonic 24000 BTU	Cái	1	19.500.000	2.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
16	Điều hòa treo tường Panasonic 24000 BTU	Cái	1	19.500.000	2.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
17	Điều hòa treo tường Panasonic 24000 BTU	Cái	1	19.500.000	2.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
18	Điều hòa treo tường Panasonic 24000 BTU	Cái	1	19.500.000	2.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
19	Điều hòa treo tường Panasonic 24000BTU	Cái	1	19.500.000	2.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
20	Điều hòa treo tường Panasonic 24000BTU	Cái	1	19.500.000	2.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
21	Điều hòa treo tường Panasonic 24000BTU	Cái	1	19.500.000	2.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống
22	Bàn chính 24 cửa	Cái	1	34.100.000	10.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Du lịch huyện Nông Cống	
23	Màn hình Led ngoài trời	Cái	1	981.842.000	5.000.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Nông Cống	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Nông Cống

Phụ lục XXI
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO PHƯỜNG HÀM RỒNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho UBND phường Hàm Rồng						
A	Đất, nhà						
1	Đất cơ sở dạy nghề cho người mù và người tàn tật Hội người mù (Số 52 Trần Nhật Duật, phường Nam Ngạn cũ)	m ²	1.746	17.457.000.000	17.457.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hàm Rồng
1.1	Nhà cơ sở dạy nghề cho người mù và người tàn tật Hội người mù (Số 52 Trần Nhật Duật, phường Nam Ngạn cũ)	m ²	1.500	12.100.000.000	7.200.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Hàm Rồng
II	Tài sản giao cho Đảng ủy phường Hàm Rồng						
A	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1			Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Hàm Rồng
2	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1			Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Hàm Rồng
3	Máy in	Cái	1			Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Hàm Rồng
4	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1			Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Hàm Rồng
5	Máy in	Cái	1			Thành ủy thành phố	Đảng ủy phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Thanh Hóa	Hàm Rồng
6	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1			Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Hàm Rồng
7	Máy in	Cái	1			Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Hàm Rồng
8	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1			Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Hàm Rồng
9	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1			Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Hàm Rồng
10	Máy in	Cái	1			Thành ủy thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Hàm Rồng

Phụ lục XXII
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO PHƯỜNG TỈNH GIA
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể phường Tỉnh Gia						
A	Đất, nhà						
1	Đất khuôn viên khối Đảng thị xã Nghi Sơn	m ²	10.513	126.156.000.000	126.156.000.000	Thị uỷ Nghi Sơn	Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể phường Tỉnh Gia
1.1	Nhà làm việc 3 tầng	m ²	1.278	13.049.922.000	5.740.768.800	Thị uỷ Nghi Sơn	Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể phường Tỉnh Gia
1.2	Nhà khách, nhà ăn	m ²	1.122	2.732.049.000	1.092.819.600	Thị uỷ Nghi Sơn	Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể phường Tỉnh Gia
1.3	Nhà Hội nghị và Truyền thống	m ²	1.200	11.552.452.900	8.855.349.984	Thị uỷ Nghi Sơn	Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể phường Tỉnh Gia
1.4	Nhà làm việc 2 tầng	m ²	820	956.192.000	0	Thị uỷ Nghi Sơn	Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể phường Tỉnh Gia
2	Đất Khối cơ quan thị xã Nghi Sơn	m ²	809	5.241.024.000	5.241.024.000	Thị uỷ Nghi Sơn	Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
							Việt Nam và các đoàn thể phường Tĩnh Gia
B	Xe ô tô						
1	Xe ô tô Fortuner	Cái	1	1.240.000.000	330.212.000	UBND thị Xã Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia
C	Thiết bị, máy móc						
1	Điều hòa không khí Panasonic CUC S-XPUI 12WKH-8	Cái	1	13.860.000	8.662.500	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia
2	Máy vi tính xách tay HP ENVY (CPU Core i7)	Bộ	1	15.000.000	3.000.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia
3	Máy vi tính để bàn: Mainboard Asus H510M-K SI; CPU Intel Core i5-10400	Bộ	1	15.000.000	12.000.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia
4	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	10.800.000	9.450.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia
5	Máy vi tính để bàn: Mainboard Asus H510M-K SI; CPU Intel Core i5-10400	Bộ	1	15.000.000	12.000.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia
6	Máy vi tính để bàn: Mainboard Asus H510M-K SI; CPU Intel Core i5-10400	Bộ	1	15.000.000	12.000.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia
7	Máy vi tính để bàn: Main H310M; DDRamIV-8GB; CPU G5420-3,8GHz Box; SDD 240GB; Màn hình LG22	Bộ	1	11.000.000	2.200.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia
8	Bàn ghế gỗ đỏ	Bộ	1	10.000.000	8.750.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia
9	Máy vi tính để bàn: Main	Bộ	1	11.000.000	2.200.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
	H310M; DDRamIV-8GB; CPU G5420-3,8GHz Box; SDD 240GB; Màn hình LG22						
10	Bàn ghế gỗ đỏ	Bộ	1	10.000.000	8.750.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia
11	Máy vi tính để bàn: Main H310M; DDRamIV-8GB; CPU G5420-3,8GHz Box; SDD 240GB; Màn hình LG22	Bộ	1	11.000.000	2.200.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia
12	Điều hòa Panasonic Z24VKH	Cái	1	33.000.000	12.375.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia
13	Máy vi tính để bàn: Main H310M; DDRamIV-8GB; CPU G5420-3,8GHz Box; SDD 240GB; Màn hình LG22	Bộ	1	11.000.000	2.200.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia
14	Điều hòa Daikin FTXV35QVMV	Cái	1	15.000.000	5.625.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia
15	Máy tính xách tay Dell Inspiron 3593C P75F013N93C	Bộ	1	15.000.000	3.000.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia
16	Máy tính PC lắp ráp: Tấm mạch in đã lắp ráp MSIH510M	Bộ	1	14.980.000	11.984.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia
17	Máy tính xách tay Dell Inspiron 15 3520, CPU i5-1235U	Cái	1	15.000.000	12.000.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia
18	Máy vi tính để bàn:	Bộ	1	15.000.000	12.000.000	Thị ủy Nghi Sơn	Đảng ủy phường Tĩnh Gia

[illegible]

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
A	Đất, nhà						
1	Đất Tru sở Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	m ²	6.154	146.453.300.000	146.453.300.000	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị phường Tĩnh Gia
1.1	Nhà làm việc 3 tầng	m ²	445	3.803.343.972	1.766.451.200	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị phường Tĩnh Gia
1.2	Nhà làm việc 2 tầng	m ²	397	2.120.730.000	1.413.466.545	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị phường Tĩnh Gia
B	Thiết bị, máy móc						
1	Bộ máy chiếu Sony DX	Cái	1	18.150.000		Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị phường Tĩnh Gia
2	Bộ dàn âm thanh hội trường	Cái	1	93.500.000		Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị phường Tĩnh Gia
3	Máy chiếu Sony VLP- Ex 570	Cái	1	34.000.000		Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị phường Tĩnh Gia
4	Tivi TCL 65P6 và phụ kiện	Cái	1	15.900.000	3.180.000	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị phường Tĩnh Gia
5	Máy phô tô copy	Cái	1	45.000.000		Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị phường Tĩnh Gia
6	Máy vi tính xách tay	Cái	1	16.120.000		Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị phường Tĩnh Gia
7	Điều hòa nhiệt độ	Cái	1	13.720.000		Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị phường Tĩnh Gia
8	Điều hòa nhiệt độ	Cái	1	16.210.000		Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị phường Tĩnh Gia
9	Điều hòa nhiệt độ	Cái	1	16.210.000		Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị phường Tĩnh Gia

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
10	Điều hòa nhiệt độ	Cái	1	16.210.000		Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn
11	Điều hòa nhiệt độ	Cái	1	16.210.000		Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn
12	Điều hòa nhiệt độ	Cái	1	10.720.000		Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn
13	Điều hòa nhiệt độ	Cái	1	10.720.000		Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn
14	Điều hòa treo tường 12000BTU	Cái	1	11.770.000	5.885.000	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn
15	Điều hòa tủ đứng Funiki 50.000BTU, 1 chiều	Cái	1	11.750.000	4.700.000	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn
16	Điều hòa tủ đứng Funiki 50.000BTU, 1 chiều	Cái	1	36.949.000	18.474.500	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn
17	Điều hòa tủ đứng Funiki 50.000BTU, 1 chiều	Cái	1	36.949.000	18.474.500	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn
18	Điều hòa tủ đứng Funiki 50.000BTU, 1 chiều	Cái	1	36.949.000	18.474.500	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn
19	Điều hòa tủ đứng Funiki 50.000BTU, 1 chiều	Cái	1	36.949.000	18.474.500	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn
20	Bộ máy tính để bàn DNA: MSI H510M, màn 22inch	bộ	1	11.750.000	4.700.000	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn
21	Bộ máy tính để bàn DNA: MSI H510M, màn 22inch	bộ	1	11.750.000	4.700.000	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn
22	Hệ thống loa	Hệ thống	1	30.000.000		Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn
23	Camera giám sát	Cái	1	46.735.000		Trung tâm Chính trị	Trung tâm Chính trị

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						thị xã Nghi Sơn	thị xã Nghi Sơn
24	Máy phát điện 50KVA	Cái	1	132.220.000	65.900.000	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn	Trung tâm Chính trị thị xã Nghi Sơn
III	Tài sản giao cho UBND phường Tĩnh Gia						
A	Đất, nhà						
1	Đất Hội Người mù thị xã Nghi Sơn cũ	m ²	481	3.367.000.000	3.367.000.000	Hội Người mù thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
1.1	Nhà làm việc	m ²	529	3.533.330.000	3.109.330.400	Hội Người mù thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
1.2	Nhà để xe	m ²		47.000.000	32.900.000	Hội Người mù thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
1.3	Tường rào	m ²		277.618.000	194.332.600	Hội Người mù thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
2	Đất Trung tâm hội nghị thị xã Nghi Sơn cũ	m ²	14.146	169.753.200.000	169.753.200.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
2.1	Nhà Trung tâm hội nghị	m ²	1887	5.963.637.800	3.050.363.440	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
2.2	Vật kiến trúc, tường rào, khuôn viên Trung tâm hội nghị	m ²		523.270.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
3	Đất Hạt giao thông phường Hải Hòa cũ	m ²	959			UBND phường Hải Hòa	UBND phường Tĩnh Gia
4	Đất UBND thị xã Nghi Sơn	m ²	8.472	101.660.400.000	101.660.400.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
4.1	Nhà làm việc 4 tầng hướng đông	m ²	2982	11.504.772.000	7.410.845.760	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
4.2	Nhà làm việc 3 tầng hướng nam	m ²	325	4.780.000.000	2.485.600.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND Phường Tĩnh Gia

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
4.3	Nhà làm việc 3 tầng hướng bắc BGPMB và phòng họp	m ²	1352	4.356.834.000	2.439.827.040	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
4.4	Tường rào khuôn viên cơ quan	m ²		276.088.000	82.826.400	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
4.5	Hòn non bộ và đài phun nước cơ quan	Cái		661.611.000	198.483.300	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
4.6	Bồn hoa và khuôn viên cây xanh cơ quan	Cái		300.000.000	90.000.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
4.7	Nhà trực bảo vệ	m ²	60	34.493.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
4.8	Nhà để xe máy, xe đạp	m ²				UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
5	Đất Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã Nghi Sơn (cũ)	m ²	11.483	183.720.000.000	183.720.000.000	Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
5.1	Nhà làm việc 3 tầng	m ²	325	10.770.264.000	7.754.590.080	Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
5.2	Nhà làm việc 2 tầng	m ²	465	2.175.529.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
5.3	Nhà làm việc 2 tầng	m ²	555	390.332.368	93.679.768	Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
5.4	Nhà đa năng	m ²	180	2.327.097.000	558.270.570	Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
5.5	Nhà khách	m ²	159	307.896.000	0	Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
5.6	Nhà ở đội quy tắc	m ²	60	197.630.000	0	Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
5.7	Nhà trực bảo vệ	m ²	149	34.493.000	0	Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
5.8	Nhà để xe máy, xe đạp	m ²	40	28.263.000	0	Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
5.9	Nhà trực khối đoàn thể	m ²	561	22.599.000	0	Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
5.10	Nhà bếp ăn cơ quan	m ²	470	2.346.354.000	562.890.324	Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
5.11	Nhà khách cơ quan	m ²	30	2.394.247.000	574.379.855	Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
5.12	Nhà để máy phát điện	m ²		68.212.000	16.364.060	Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
6	Đất Hội Đông y thị xã Nghi Sơn (cũ)	m ²	1.073	18.246.100.000	18.246.100.000	Hội Đông y thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
7	Đất Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	m ²	8.324	199.795.200.000	199.795.200.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
7.1	Thư viện 2 tầng	m ²	400	3.221.042.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
7.2	Nhà làm việc 2 tầng	m ²	480	1.111.026.563		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
8	Đất Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	m ²	2.447	58.735.200.000	58.735.200.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
8.1	Sân vận động thị xã Nghi Sơn (cũ)	m ²	7.923	344.121.600.000	344.121.600.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
8.2	Nhà làm việc 2 tầng	Cái	530	1.666.000.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
8.3	Dãy nhà cấp bốn phía bắc	Cái	160	74.000.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
8.4	Dãy nhà cấp bốn phía nam	m ²	160	585.930.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
B	Xe ô tô						
1	Xe ô tô Ford Focus	Cái	1	550.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
2	Xe ô tô văn hóa, thông tin lưu động	Cái	1	476.253.500		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
C	Máy móc, thiết bị						
1	Máy điều hòa nhiệt độ Nagakawa loại tủ đứng công suất 48000BTU	Cái	1	24.900.000	19.920.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
2	Máy điều hòa nhiệt độ Nagakawa loại tủ đứng công suất 48000BTU	Cái	1	24.900.000	19.920.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
3	Máy điều hòa nhiệt độ Nagakawa loại tủ đứng công suất 48000BTU	Cái	1	24.900.000	19.920.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
4	Máy điều hòa nhiệt độ Nagakawa loại tủ đứng công suất 48000BTU	Cái	1	24.900.000	19.920.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
5	Lioa 50 KWWA - 150	Cái	1	10.550.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
6	Đường điện sinh hoạt cho các khu nhà làm việc cơ quan UBND thị xã	Cái	1	1.057.600.000	951.840.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
7	Phòng để máy chủ TABMIS	Cái	1	30.900.000	26.265.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
8	Hệ thống Camera	Hệ thống	1	199.785.000	59.935.500	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
9	Thanh chắc Barie cổng cơ quan	Cái	1	40.810.000	15.303.750	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
10	Thang máy điện tải khách trọng lượng 750 kg hiệu APE-750kg-4S/0	Cái	1	1.301.800.000	976.350.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
11	Thiết bị phòng họp	Bộ	1	132.240.000	26.448.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
12	Bảng điện tử	Cái	1	75.917.600	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
13	Thiết bị phòng họp VCS cầu chủ	Thiết bị	1	95.800.000	26.345.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
14	Kệ đựng tài liệu	Bộ	1	21.120.000	13.200.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
15	Quầy giao dịch trung tâm 1 cửa	Bộ	1	51.900.000	32.437.500	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
16	Vách ngăn phòng làm việc	Cái	1	13.500.000	5.062.500	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
17	Máy phát điện Suntec TDB - 181	Cái	1	17.990.000	3.598.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
18	Máy chiếu	Cái	1	17.990.000	3.598.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
19	Máy chấm công bằng vân tay	Cái	1	17.990.000	3.598.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
20	Máy chấm công bằng vân tay	Cái	1	37.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
21	Máy chấm công bằng vân tay	Cái	1	29.250.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
22	Máy chấm công bằng vân tay	Cái	1	29.250.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
23	Máy chấm công bằng vân tay	Cái	1	29.250.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
24	Máy chấm công bằng vân tay	Cái	1	29.250.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
25	Máy chấm công bằng vân tay	Cái	1	25.500.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
26	Máy chấm công bằng vân tay	Cái	1	15.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
27	Máy tính bảng Apple iPad 2020	Cái	1	16.500.000	10.312.500	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
28	Máy tính bảng Apple iPad 2020	Cái	1	13.223.500	5.289.400	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
29	Máy tính bảng Apple iPad 2020	Cái	1	13.459.500	3.364.872	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
30	Máy photocopy Ricoh	Cái	1	12.250.000	9.800.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
31	Điều hòa nhiệt độ 2 chiều Panasonic	Cái	1	10.500.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
32	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic	Cái	1	12.500.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
33	Máy tính để bàn	Bộ	1	12.500.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
34	Máy điều hòa không khí SK1200BTU	Cái	1	25.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
35	Máy Scan HP	Cái	1	11.500.000	9.200.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
36	Máy Scan HP	Cái	1	13.250.000	2.650.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
37	Máy Scan HP	Cái	1	13.822.300	5.528.920	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
38	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	12.240.000	10.710.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
39	Máy scan HP	Cái	1	15.449.040	6.179.616	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
40	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	12.950.000	8.093.750	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
41	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	14.970.000	5.988.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
42	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic	Cái	1	12.950.000	8.093.750	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
43	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic	Cái	1	12.950.000	8.093.750	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
44	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic	Cái	1	17.990.000	3.598.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
45	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	14.000.000	11.200.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
46	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
47	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
48	Máy điều hòa không khí	Cái	1	13.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
49	Máy điều hòa không khí	Cái	1	13.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
50	Điều hòa nhiệt độ 1 chiều Panasonic	Cái	1	13.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
51	Máy tính bàn	Bộ	1	13.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
52	Điều hòa nhiệt độ 1 chiều Panasonic	Cái	1	13.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
53	Điều hòa nhiệt độ 1 chiều Panasonic	Cái	1	17.990.000	3.598.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
54	Máy tính bảng iPad	Cái	1	13.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
55	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
56	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	5.200.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
57	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
58	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
59	Máy tính	Bộ	1	13.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
60	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
61	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
62	Bộ máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
63	Máy tính bảng iPad	Bộ	1	17.990.000	3.598.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
64	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
65	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	0	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
66	Bộ máy tính soạn thảo văn bản mật	Bộ	1	13.000.000	5.200.000	UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
67	Máy in	Cái	1	3.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
68	Bộ bàn, ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
69	Máy in	Cái	1	3.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
70	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
71	Máy in	Cái	1	3.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
72	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
73	Máy in	Cái	1	3.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
74	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
75	Máy in	Cái	1	3.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
76	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
77	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
78	Máy in	Cái	1	3.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
79	Bộ Máy tính để bàn	Bộ	1	1.300.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
80	Máy in	Cái	1	3.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
81	Máy in	Cái	1	3.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
82	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
83	Máy in	Cái	1	3.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
84	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
85	Máy in	Cái	1	3.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
86	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
87	Máy in	Cái	1	3.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
88	Bộ bàn ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
89	Máy in	Cái	1	3.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
90	Bộ bàn, ghế máy vi tính	Bộ	1	2.000.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
91	Điều hoà Casper 12000	Cái	1	5.500.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
92	Điều hoà Casper 12000	Cái	1	5.500.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
93	Điều hoà Casper 12000	Cái	1	5.500.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
94	Điều hoà Casper 12000	Cái	1	5.500.000		UBND thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
95	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
96	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
97	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
98	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
99	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
100	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
101	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận	UBND phường Tĩnh Gia

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Tổ quốc thị xã nghi Sơn	
102	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
103	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
104	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
105	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
106	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
107	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
108	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
109	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
110	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
111	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
112	Điều hoà Panasonic 9000	Cái	1	7.500.000		Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
113	Điều hoà Sharp	Cái	1			Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
114	Điều hoà Sharp	Cái	1			Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
115	Hệ thống âm thanh gồm: Micro, bộ âm thanh, 04 loa treo tường (Phòng họp, tầng 3, nhà 3 tầng)	Hệ thống	1			Khối đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
116	Điều hòa Casper	Cái	1	8.000.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
117	Quạt trần	Cái	6	750.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
118	Ghế Xuân Hòa	Cái	8	435.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
119	Điều hòa casper	Cái	1	8.000.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
120	Quạt trần	Cái	2	750.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
121	Điều hòa Casper	Cái	1	8.000.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
122	Điều hòa Casper	Cái	1	8.000.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
123	Điều hòa LG	Cái	1	3.000.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
124	Quạt trần điện cơ	Cái	1	300.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
125	Quạt trần	Cái	2	300.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
126	Giá sách sắt	Cái	5	4.550.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
127	Trống	Cái	1	3.800.000		Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
128	Cột angten phát thanh	Cái	1			Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
129	Loa toa	Cái	4			Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
130	Điều hòa casper	Cái	1	12.000.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
131	Ghế Xuân Hòa + váy bọc	Cái	1	435.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
132	Quạt trần điện cơ	Cái	1	750.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
133	Bục, tượng bác	Cái	1	2.700.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
134	Bục nói	Cái	1	400.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
135	Máy chụp ảnh Canon	Cái	1	19.250.000		Đài Truyền thanh,	UBND phường Tĩnh Gia

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						truyền hình thị xã Nghi Sơn	
136	Điều hòa LG	Cái	1	6.000.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
137	Điều hòa Casper	Cái	1	8.000.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
138	Quạt treo trường	Cái	1	320.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
139	Bàn ghế phát thanh viên (Chuyên dụng)	Bộ	1	7.000.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
140	Tủ sắt Hòa Phát	Cái	1	3.100.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
141	Tủ kính (chống ẩm)	Cái	1	500.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
142	Bàn gỗ	Cái	1	300.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
143	Lưu điện	Bộ	1	800.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
144	Mic sản xuất chương trình	Cái	1	900.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
145	Máy quay Camera	Cái	1	89.980.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
146	Máy quay Camera	Cái	1	32.000.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
147	Máy quay Camera	Cái	1	154.860.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
148	Chân Camera	Cái	1	5.000.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
149	Phòng ky	Bộ	1	12.000.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
150	Ghế Xuân Hòa	Cái	1	435.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
151	Xạc pin cana	Cái	1	2.000.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
152	Máy phát FM 500W	Cái	1	400.000.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
153	Máy phát FM 100W	Cái	1	100.000.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
154	Bàn gỗ	Bộ	1	300.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
155	Ghế Xuân Hòa	Cái	1	435.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
156	Bộ trộn âm thanh	Bộ	1			Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
157	Điều hòa Casper	Cái	1	8.000.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
158	Quạt trần điện cơ	Cái	1	750.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
159	Cây nóng lạnh SA (cũ)	Cái	1	3.000.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
160	Ghế hòa phát	Cái	1	200.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
161	Điều hòa Casper	Cái	1	8.000.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
162	Bộ bàn ghế gỗ (tiếp khách)	Bộ	1	5.000.000		Đài Truyền thanh,	UBND phường Tĩnh Gia

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						truyền hình thị xã Nghi Sơn	
163	Quạt trần điện cơ	Cái	1	750.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
164	Điều hòa casper	Cái	1	8.000.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia
165	Quạt trần điện cơ	Cái	1	750.000		Đài Truyền thanh, truyền hình thị xã Nghi Sơn	UBND phường Tĩnh Gia

Phụ lục XXIII
DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO PHƯỜNG QUẢNG PHÚ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản giao cho UBND phường Quảng Phú						
A	Đất, nhà						
1	Đất Nhà văn hóa phố Xích Ngọc	m ²	345,5	552.800.000	552.800.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
1.1	Nhà văn hóa phố Xích Ngọc	m ²	50	200.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
2	Đất Nhà văn hóa phố Đông Đức	m ²	934	1.307.600.000	1.307.600.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
2.1	Nhà văn hóa phố Đông Đức	m ²	110	300.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
3	Đất Nhà văn hóa phố Đông Đức (Đông Quang)	m ²	760	1.368.000.000	1.368.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
3.1	Nhà văn hóa phố Đông Đức (Đông Quang)	m ²	60	200.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
4	Đất Nhà văn hóa phố Chính Hảo	m ²	1.016,5	2.134.500.000	2.134.500.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
4.1	Nhà văn hóa phố Chính Hảo	m ²	107	200.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
5	Đất Nhà văn hóa phố Đông Quang	m ²	866	1.212.400.000	1.212.400.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
5.1	Nhà văn hóa phố Đông Quang	m ²	60	280.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
6	Đất Trường Mầm non Quảng Đông 1	m ²	2.302	9.672.600.000	9.672.600.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
6.1	Nhà Trường Mầm non Quảng Đông 1	m ²	495			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
7	Đất Trường Mầm non Quảng Đông (Mầm non 3)	m ²	1.879	6.764.400.000	6.764.400.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
7.1	Nhà Trường Mầm non Quảng Đông (Mầm non 3)	m ²	405			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
8	Đất Công sở phường cũ	m ²		18.552.500.000	18.552.500.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
8.1	Nhà Công sở phường Quảng Thịnh cũ	m ²		1.523.317.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
9	Đất Trường Tiểu học Thành Mai (cũ)	m ²	2.114	19.027.800.000	19.027.800.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
9.1	Nhà Trường Tiểu học Thành Mai (cũ)	m ²	182			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
10	Đất Trường Mầm non Thành Yên (cũ)	m ²	232	2.320.000.000	2.320.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
10.1	Nhà Trường Mầm non Thành Yên (cũ)	m ²	120			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
11	Đất Trường Mầm non Thành Mai (cũ)	m ²	405	3.645.000.000	3.645.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
11.1	Nhà Trường Mầm non Thành Mai (cũ)	m ²	110	404.283.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
12	Đất Nhà văn hóa phố Thành Bắc (cũ)	m ²	299	2.239.500.000	2.239.500.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
12.1	Nhà văn hóa phố Thành Bắc	m ²	55	295.000.000	0	UBND thành phố	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
	(cũ)					Thanh Hóa	Quảng Phú
13	Đất Nhà văn hóa Thành Tân (cũ)	m ²	202	464.830.000	464.830.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
13.1	Nhà văn hóa Thành Tân (cũ)	m ²	102	120.000.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
14	Đất Nhà văn hóa thôn 1 cũ	m ²	823	576.100.000	576.100.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
14.1	Nhà văn hóa thôn 1 cũ	m ²	60	256.680.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
15	Đất Nhà văn hóa thôn 3 cũ	m ²	1.427	998.900.000	998.900.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
15.1	Nhà văn hóa thôn 3 cũ	m ²	60	256.680.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
16	Đất Nhà văn hóa thôn 7 cũ	m ²	776	698.400.000	698.400.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
16.1	Nhà văn hóa thôn 7 cũ	m ²	55	235.290.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
17	Đất Nhà văn hóa thôn 6 cũ	m ²	1.346	1.076.800.000	1.076.800.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
17.1	Nhà văn hóa thôn 6 cũ	m ²	65	278.070.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
18	Đất Nhà văn hóa thôn 9 cũ	m ²	1.500	1.050.000.000	1.050.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
18.1	Nhà văn hóa thôn 9 cũ	m ²	70	299.460.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
19	Đất Nhà văn hóa thôn 11 cũ	m ²	490	343.000.000	343.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
19.1	Nhà văn hóa thôn 11 cũ	m ²	70	299.460.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
20	Đất Nhà văn hóa thôn 14 cũ	m ²	1.722	1.377.600.000	1.377.600.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
20.1	Nhà văn hóa thôn 14 cũ	m ²	60	256.680.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
21	Đất Nhà văn hóa thôn 17 cũ	m ²	1.500	1.050.000.000	1.050.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
21.1	Nhà văn hóa thôn 17 cũ	m ²	600	282.348.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
22	Đất Nhà văn hóa thôn 18 cũ	m ²	737	515.900.000	515.900.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
22.1	Nhà văn hóa thôn 18 cũ	m ²	65	278.070.000	0	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
23	Đất Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp - Cơ sở II	m ²	19.795	158.360.000.000	158.360.000.000	UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
23.1	Nhà Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp - Cơ sở II	m ²	5.239,1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
B	Xe ô tô						
1	Xe ô tô	Cái	1	629.000.000		UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
III	Máy móc, thiết bị văn phòng						
1	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
2	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
3	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
4	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
5	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
6	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
7	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
8	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
9	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
10	Tủ sắt	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
11	Tủ sắt	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
12	Tủ sắt	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
13	Tủ sắt	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
14	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
15	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
16	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Thanh Hóa	Quảng Phú
17	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
18	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
19	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
20	Tủ sắt	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
21	Tủ sắt	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
22	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
23	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
24	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
25	Máy in A3	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
26	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
27	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
28	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
29	Kệ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
30	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
31	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
32	Bàn làm việc	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
33	Tủ sắt để tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
34	Kệ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
35	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
36	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
37	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
38	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
39	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
40	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
41	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
42	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
43	Tủ sắt để tài liệu	Cái	1			UBND thành phố	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Thanh Hóa	Quảng Phú
44	Tủ sắt để tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
45	Tủ sắt để tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
46	Tủ sắt để tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
47	Giá đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
48	Giá đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
49	Giá đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
50	Thiết bị tivi sam sung	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
51	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
52	Máy tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
53	Máy tính để bàn	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
54	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
55	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
56	Tủ sắt để tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
57	Tủ sắt để tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
58	Tủ sắt để tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
59	Tủ sắt để tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
60	Máy tính để bàn	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
61	Máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
62	Máy scan	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
63	Tủ kệ tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
64	Tủ kệ tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
65	Quạt điều hoà	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
66	Bàn làm việc (2 bàn làm việc, 1 bàn ghế tiếp khách)	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
67	Bàn làm việc (2 bàn làm việc, 1 bàn ghế tiếp khách)	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
68	Bàn làm việc (2 bàn làm việc, 1 bàn ghế tiếp khách)	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
69	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
70	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố	UBND phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Thanh Hóa	Quảng Phú
71	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
72	Tủ kệ tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
73	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
74	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
75	Bàn làm việc	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
76	Bàn làm việc	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
77	Bàn làm việc	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
78	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
79	Máy tính, máy in	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
80	Bàn ghế (Bàn làm việc, tiếp khách)	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
81	Bàn ghế (Bàn làm việc, tiếp khách)	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
82	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
83	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
84	Điều hoà treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
85	Điều hoà treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
86	Điều hoà treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
87	Điều hoà treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
88	Điều hoà treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
89	Điều hoà treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
90	Điều hoà treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
91	Điều hoà treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
92	Điều hoà treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	UBND phường Quảng Phú
II	Tài sản giao cho Đảng uỷ phường Quảng Phú						
1	Điều hoà cây	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng uỷ phường Quảng Phú
2	Điều hoà cây	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng uỷ phường Quảng Phú
3	Điều hoà cây	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng uỷ phường Quảng Phú
4	Điều hoà cây	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng uỷ phường Quảng Phú

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
5	Điều hòa cây	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Quảng Phú
6	Điều hòa cây	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Quảng Phú
7	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Quảng Phú
8	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Quảng Phú
9	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Quảng Phú
10	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Quảng Phú
11	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Quảng Phú
12	Điều hòa treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Quảng Phú
13	Bàn ghế	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Quảng Phú
14	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Quảng Phú
15	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Quảng Phú
16	Tủ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Quảng Phú
17	Tủ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng ủy phường Quảng Phú
18	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	1			UBND thành phố	Đảng ủy phường

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Thanh Hóa	Quảng Phú
19	Tủ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng uỷ phường Quảng Phú
20	Máy vi tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng uỷ phường Quảng Phú
21	Máy vi tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng uỷ phường Quảng Phú
22	Máy vi tính	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng uỷ phường Quảng Phú
23	Máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng uỷ phường Quảng Phú
24	Máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng uỷ phường Quảng Phú
25	Máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng uỷ phường Quảng Phú
26	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng uỷ phường Quảng Phú
27	Tủ kệ tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng uỷ phường Quảng Phú
28	Bàn làm việc	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng uỷ phường Quảng Phú
29	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Đảng uỷ phường Quảng Phú
III	Tài sản giao cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Quảng Phú						
1	Điều hoà treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
2	Điều hoà treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
3	Điều hoà treo tường	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
4	Máy lọc nước	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
5	Máy lọc nước	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
6	Điều hoà	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
7	Tủ, kệ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
8	Tủ, kệ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
9	Tủ, kệ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
10	Tủ, kệ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
11	Tủ, kệ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố	Ủy ban Mặt trận

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Thanh Hóa	Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
12	Tủ, kệ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
13	Tủ, kệ đựng tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
14	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
15	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
16	Điều hoà	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
17	Điều hoà	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
18	Kết sắt	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
19	Bàn làm việc	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
20	Bàn làm việc	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
							phường Quảng Phú
21	Bàn làm việc (5 bàn, 3 ghế)	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
22	Bàn làm việc (5 bàn, 3 ghế)	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
23	Bàn làm việc (5 bàn, 3 ghế)	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
24	Bàn làm việc (5 bàn, 3 ghế)	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
25	Bàn làm việc (5 bàn, 3 ghế)	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
26	Bàn làm việc (5 bàn, 3 ghế)	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
27	Bàn làm việc (5 bàn, 3 ghế)	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
28	Bàn làm việc (5 bàn, 3 ghế)	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
29	Tủ kệ tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
30	Tủ kệ tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
31	Tủ kệ tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
32	Tủ kệ tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
33	Tủ kệ tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
34	Tủ kệ tài liệu	Cái	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
35	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
36	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
37	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
38	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
39	Máy tính	Cái	1			UBND thành phố	Ủy ban Mặt trận

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
						Thanh Hóa	Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
40	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
41	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
42	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
43	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
44	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
45	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú
46	Máy tính, máy in	Bộ	1			UBND thành phố Thanh Hóa	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường Quảng Phú